CÔNG - STĂNG - TI - NỐP

DUY VẬT LỊCH SỬ
LÀ
MỘT MÔN KHOA HỌC

CHƯƠNG I CUỐN « DUY VẬT LỊCH SỬ »
DO VIỆN NGHIÊN CỨU TRIẾT HỌC
TRONG VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC LIÊN-XÔ
XUẤT BẢN NĂM 1954

IN LẦN THỨ HAI

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1957

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuốn Duy vật lịch sử *này do Viện Nghiên cứu triết học trong Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô tập thể sáng tác và do giáo sư Công-stăng-ti-nốp chủ biên.*

Cuốn đó xuất bản lần đầu tiên năm 1951, được nhiệt liệt hoan nghênh: đồng thời cũng được bạn đọc và các giới khoa học Liên-xô (đặc biệt là báo chí, hội nghị chuyên môn các phòng nghiên cứu giáo dục đại học, hội nghị giáo sư triết học Mác và chủ nghĩa Lê-nin, các nhà sử học, kinh tế học và luật học) góp ý kiến phê bình xây dựng. Năm 1954 được tái bản, sau khi đã sửa chữa lại.

Đây là một cuốn giáo khoa có giá trị về triết học, trình bầy một cách rõ ràng và có hệ thống cơ sở của chủ nghĩa duy vật lịch sử tức là cơ sở khoa học của chủ nghĩa Mác về quy luật chung của sự phát triển xã hội. Theo chương trình và nhu cầu học tập lý luận của cán bộ ta năm 1956, chúng tôi đã lần lượt dịch và xuất bản từng chương một để cung cấp thêm tài liệu học tập, tham khảo cho bạn đọc.

Bản dịch của chúng tôi căn cứ theo bản Hoa văn của «Nhà xuất bản Nhân dân» Trung-quốc xuất bản ở Bắc-kinh tháng 7 năm 1955, và khi hiệu đính lại để tái bản có đối chiếu với bản Nga văn của «Nhà xuất bản Quốc gia» xuất bản tài liệu chính trị ở Mạc-tư-khoa xuất bản năm 1954.

Hà-nội, tháng 2 năm 1957

SỰ THẬT

DUY VẬT LỊCH SỬ LÀ MỘT MÔN KHOA HỌC

1.— ĐỐI TƯỢNG CỦA DUY VẬT LỊCH SỬ

Mỗi môn khoa học đều có đối tượng nghiên cứu riêng. Thí dụ chính trị kinh tế học nghiên cứu quy luật phát triển của quan hệ sản xuất xã hội tức là quan hệ kinh tế; pháp học nghiên cứu sự phát triển của hình thức Nhà nước và hình thức pháp quyền nhất định trong lịch sử; ngôn ngữ học nghiên cứu ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt, nghiên cứu quy luật phát triển của nó và tác dụng của nó trong đời sống xã hội, v.v... Thế thì đối tượng nghiên cứu của duy vật lịch sử là gì?

Duy vật lịch sử là khoa học về quy luật phát triển chung của xã hội. Những môn khoa học xã hội nói trên kia (chính trị kinh tế học, pháp học, ngôn ngữ học) nghiên cứu sự phát triển của những mặt riêng biệt nào đó trong đời sống xã hội, tức là những hiện tượng quan hệ xã hội và những hình thái quan hệ xã hội nhất định. Khác với những môn khoa học ấy, duy vật lịch sử nghiên cứu quy luật phát triển của toàn bộ xã hội, nghiên

cứu tác dụng qua lại giữa mọi mặt trong sinh hoạt xã hội. Nó trả lời những câu hỏi: cái gì quyết định tính chất của chế độ xã hội, cái gì quyết định sự phát triển của xã hội, quyết định một chế độ xã hội này chuyển sang một chế độ xã hội khác, thí dụ chủ nghĩa tư bản chuyển sang chủ nghĩa xã hội.

Duy vật lịch sử nghiên cứu quy luật chung của quá trình lịch sử, cho nên nhiệm vụ của nó khác với nhiệm vụ của các khoa học xã hội cục bộ và của thông sử; thông sử tuy cũng nghiên cứu hết thảy mọi mặt của lịch sử xã hội, nhưng nó nghiên cứu sự việc cụ thể trong từng nước riêng biệt và trong từng thời đại riêng biệt theo thứ tự thời gian.

Duy vật lịch sử giải đáp một cách duy nhất khoa học và duy nhất đúng những vấn đề lý luận và phương pháp luận chung nhất và căn bản nhất của khoa học xã hội, nếu không hiểu rõ những vấn đề ấy thì sẽ không thể giải thích được đúng đắn sự phát triển của toàn bộ sinh hoạt xã hội và sự phát triển của bất cứ một mặt riêng biệt nào trong sinh hoạt xã hội.

Trong sinh hoạt xã hội, chúng ta thấy những hiện tượng kinh tế, hiện tượng chính trị và hiện tượng tư tưởng. Giữa những hiện tượng ấy có mối liên hệ gì với nhau không? Tính chất của mối liên hệ ấy như thế nào? Trong sự thay đổi nhiều hình nhiều vẻ, mâu thuẫn, phức tạp của những sự việc lịch sử, trong toàn bộ quá trình phát triển của xã hội, có sự liên hệ nội tại tất nhiên hay không, có tính quy luật hay không hay là trong sinh hoạt xã hội, khác với giới tự nhiên, tất cả

đều là ngẫu nhiên, là một mớ sự việc hỗn loạn, muốn thế nào cũng được? Đó là một trong những vấn đề căn bản của khoa học xã hội.

Loài người đã trải qua con đường phát triển lâu dài và phức tạp: từ chế độ công xã nguyên thủy, qua chế độ nô lệ, chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản mà tiến lên chủ nghĩa xã hội (chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi trên 1/6 quả địa cầu ở Liên-xô, và đang được xây dựng ở các nước dân chủ nhân dân). Động lực căn bản của sự phát triển tiến lên như vậy là gì?

Lần đầu tiên trên lịch sử, duy vật lịch sử đã giải đáp những câu hỏi ấy một cách khoa học; duy vật lịch sử là lý luận vạch ra con đường nhận thức lịch sử xã hội bằng cách coi đó là một quá trình thống nhất, có quy luật, bao gồm nhiều mặt, nhiều mâu thuẫn, làm cho người ta có thể nhận thức được hiện tại và dự kiến được tương lai một cách đúng đắn.

Duy vật lịch sử là *lý luận khoa học* toàn vẹn và chặt chẽ giải thích sự phát triển của xã hội, giải thích sự chuyển biến từ chế độ xã hội này sang chế độ xã hội khác. Đồng thời nó là *phương pháp khoa học* đúng đắn duy nhất để nghiên cứu mọi hiện tượng xã hội, nghiên cứu toàn bộ lịch sử của riêng từng nước và từng dân tộc. Duy vật lịch sử có thể dùng làm phương pháp khoa học của mọi ngành tri thức xã hội. Các nhà kinh tế học, pháp học, các nhà lý luận về nghệ thuật và các nhà sử học, nếu không dựa vào lý luận và phương pháp của duy vật lịch sử thì không thể hiểu được những

hiện tượng sinh hoạt xã hội thiên hình vạn trạng, không thể hiểu được những sự kiện lịch sử; họ sẽ không thể nhìn thấy được quy luật lịch sử đằng sau những sự việc ngẫu nhiên, không nhìn thấy được toàn bộ đằng sau cục bộ, không nhìn thấy cả khu rừng đằng sau những gốc cây. Duy vật lịch sử đem lại cho người nghiên cứu một đầu mối chỉ đạo công tác nghiên cứu, để họ có thể tự do và tự giác tiến lên trong mớ bòng bong của những sự việc lịch sử phức tạp.

Duy vật lịch sử, môn khoa học về quy luật phát triển chung của xã hội, là một bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, là cơ sở lịch sử—khoa học của chủ nghĩa cộng sản, là cơ sở lý luận cho chính sách, chiến lược và sách lược của giai cấp công nhân và của đội quân tiền phong cách mạng của nó là Đảng cộng sản. Duy vật lịch sử không phải là công thức, không phải là một mớ nguyên lý, nguyên tắc trừu tượng chỉ cần học thuộc lòng; không phải thế, nó là *lý luận* xã hội sống mãi và phát triển một cách sáng tạo, đồng thời nó cũng là *phương pháp* nhận thức sinh hoạt xã hội và chỉ đạo hành động.

Muốn làm một người tự giác tham gia cuộc đấu tranh lịch sử vĩ đại giành hòa bình dân chủ và chủ nghĩa cộng sản, thì cần phải biết nguyên nhân và động lực chân chính của các sự kiện lịch sử, cần phải biết quy luật phát triển của xã hội. Duy vật lịch sử giúp chúng ta hiểu biết quy luật phát triển chung của xã hội, làm cho ta có thể nhìn đúng phương hướng trong những sự kiện

lịch sử đang xảy ra, hiểu được ý nghĩa của những sự kiện lịch sử ấy, thấy rõ chiều hướng phát triển của xã hội, thấy rõ tiền đồ của lịch sử.

2. — VIỆC SÁNG LẬP RA DUY VẬT LỊCH SỬ LÀ MỘT CUỘC CÁCH MẠNG VĨ ĐẠI NHẤT TRONG KHOA HỌC

Duy vật lịch sử ra đời trong những năm 40 thế kỷ XIX, do những nhà tư tưởng và học giả vĩ đại, những người thầy và lãnh tụ của giai cấp công nhân là Mác và Ăng-ghen sáng lập ra. Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử ra đời là một cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong khoa học.

Cũng như toàn bộ chủ nghĩa Mác, duy vật lịch sử không phải bất cứ lúc nào, và bất cứ trong điều kiện nào cũng nảy ra được. Nó ra đời hợp với quy luật, nó phản ánh những đòi hỏi của sự phát triển đời sống vật chất của xã hội, nó là kết quả của toàn bộ sự phát triển khoa học trước kia, kể cả triết học trong đó. Thế thì những điều kiện lịch sử nào đã đẻ ra chủ nghĩa Mác?

Trước hết là đến khoảng giữa thế kỷ thứ 19, mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản đã đạt đến trình độ rất sâu sắc. Điều đó không những biểu hiện ra ở những cuộc khủng hoảng sản xuất thừa có tính chất chu kỳ trong sản xuất công nghiệp ở các nước tư bản, mà còn biểu hiện ra ở cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt. Sức sản xuất trong xã hội tư bản đã phát sinh mâu thuẫn với quan hệ sản xuất

tư bản chủ nghĩa, việc tiêu diệt quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và thay vào đấy quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã trở thành yêu cầu ngày càng cấp thiết của sự phát triển đời sống vật chất của xã hội.

Hai là, cùng với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời, thì giai cấp mới, tiên tiến là giai cấp vô sản cũng ra đời. Trong những năm 40 thế kỷ thứ XIX, giai cấp vô sản đã bước lên vũ đài lịch sử với vai trò một lực lượng chính trị tiên tiến, lớn mạnh.

Dưới chế độ phong kiến, quan hệ giai cấp bị quan hệ ngôi thứ che lấp, nhưng chế độ tư bản đã làm cho quan hệ giai cấp trở thành giản đơn và lộ liễu. Đấu tranh giai cấp đã trở thành đấu tranh công khai hơn. Việc đó làm cho người ta có thể hiểu một cách khoa học đấu tranh giai cấp là động lực thúc đẩy lịch sử phát triển, biết được giai cấp và đấu tranh giai cấp là do chế độ kinh tế của xã hội quyết định. Ăng-ghen viết: «Trong tất cả các thời kỳ trước kia, vì liên hệ giữa nguyên nhân thúc đẩy lịch sử và kết quả của nó bị lẫn lộn và che kín, nên hầu như không thể tìm hiểu được nguyên nhân thúc đẩy ấy; nhưng ngày nay, liên hệ ấy đã giản đơn hóa đến trình độ mà rút cục người ta có thể giải đáp được câu đố ấy. Từ khi có nền công nghiệp lớn, ít nhất là từ khi ký hòa ước châu Âu năm 1815, ở Anh việc tranh giành quyền thống trị giữa hai giai cấp — giai cấp quý tộc chiếm hữu ruộng đất và giai cấp tư sản, — đã trở thành trung tâm của toàn bộ cuộc đấu tranh chính trị ở nước

này, điều đó không còn gì là bí mật nữa. Ở Pháp khi dòng vua Buốc-bông trở về nước, sự việc giống như thế cũng phản ánh vào ý thức mọi người. Các nhà sử học trong thời kỳ phục hưng từ Chi-e-ry đến Ghi-đô, Mi-nhê và Chi-e đều thường xuyên vạch ra rằng sự việc ấy là thìa khóa để tìm hiểu lịch sử nước Pháp từ thời trung cổ đến nay. Và từ năm 1830 trở đi, ở hai nước ấy, giai cấp công nhân, tức là giai cấp vô sản, được coi là chiến sĩ thứ ba đấu tranh giành quyền thống trị. Quan hệ đã giản đơn hóa đến nỗi chỉ có những người cố ý nhắm mắt lại thì mới không thấy rằng cuộc đấu tranh của ba giai cấp lớn ấy và sự xung đột lợi ích của họ là động lực của toàn bộ lịch sử cận đại... » (1)

Nhu cầu vật chất đã chín muồi của xã hội để chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, nhu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, những nhu cầu ấy thúc đẩy chủ nghĩa Mác ra đời. Nhưng tại sao chính nước Đức vào những năm 40 thế kỷ XIX lại trở thành quê hương của chủ nghĩa Mác, nói riêng là của duy vật lịch sử ? Đó là vì cuộc cách mạng dân chủ tư sản chín muồi ở Đức hồi bấy giờ phải nổ ra trong điều kiện những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản đã sâu sắc hơn khi những cuộc cách mạng giống như thế nổ ra ở Anh và ở Pháp. Nước Đức vào khoảng giữa thế kỷ XIX là một nước mà quan hệ tư bản

---

(1) Ăng-ghen : « Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức ».

chủ nghĩa đã chín muồi hơn ở Anh hồi thế kỷ XVII và ở Pháp hồi thế kỷ XVIII. Hồi ấy ở Đức, đã hình thành giai cấp vô sản, là giai cấp chính đang đòi giữ vai trò lịch sử độc lập trong cuộc đấu tranh giai cấp và trong cuộc cách mạng sắp nổ ra. Giai cấp vô sản Đức đứng trước những nhiệm vụ nó đòi hỏi cấp thiết phải giải quyết vấn đề lý luận cách mạng và sách lược cách mạng, đòi hỏi cấp thiết phải làm rõ vai trò lịch sử của giai cấp công nhân trong cách mạng tư sản cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chính vì nguyên nhân ấy, nước Đức mới trở thành quê hương của duy vật lịch sử và toàn bộ chủ nghĩa Mác, và những vị lãnh tụ của giai cấp vô sản Đức là Mác và Ăng-ghen cũng trở thành những người đầu tiên sáng lập ra khoa học xã hội.

Những nhà tư tưởng của giai cấp công nhân trở thành những người đầu tiên sáng lập ra khoa học xã hội, điều đó quyết không phải ngẫu nhiên, mà hoàn toàn hợp với quy luật. Vấn đề là ở chỗ: nói chung và nói về toàn bộ, việc tìm ra quy luật của giới tự nhiên ít hay nhiều cũng tiến hành một cách thuận lợi, vì tìm ra những quy luật ấy không đụng chạm đến lợi ích của các giai cấp phản động. Còn việc tìm ra quy luật phát triển của xã hội thì lại khác. Có nhiều quy luật phát triển của xã hội đụng chạm đến lợi ích của các thế lực phản động. Cho nên thế lực phản động phản đối điên cuồng việc tìm ra và nhất là việc sử dụng những quy luật phát triển của xã hội đụng chạm đến lợi ích của chúng.

Chỉ có giai cấp tiên tiến, do các nhà tư tưởng của mình làm đại biểu, không muốn giữ mãi chế độ xã hội lỗi thời cũ và dám cả gan nhìn thẳng vào tương lai, chỉ có giai cấp ấy mới có thể là những người đi đầu và đề xướng việc tìm ra quy luật phát triển của xã hội. Chỉ có những nhà tư tưởng của giai cấp vô sản, là giai cấp triệt để cách mạng, quan tâm đến việc tiêu diệt mọi hình thức người bóc lột người, mới có thể sáng lập và đã sáng lập ra khoa học xã hội. Đó là nguyên nhân vì sao khoa học chân chính về quy luật phát triển của xã hội không thể do các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản (chứ đừng nói tới các nhà tư tưởng của chủ nô lệ và chủ phong kiến) sáng lập ra.

Đem so sánh thành tích phát triển của khoa học tự nhiên với thành tích phát triển của tri thức xã hội đạt được cho đến khi chủ nghĩa Mác ra đời, thì có thể chứng thực hoàn toàn điểm đó. Thật vậy, khoa học tự nhiên vào khoảng giữa thế kỷ XIX đã thu được những thành tích rất lớn. Chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo lần lượt bị gạt ra khỏi các ngành khoa học tự nhiên. Chủ nghĩa duy vật triết học ở thế kỷ XVII và XVIII đã dựa vào thành tích của khoa học tự nhiên mà giải thích giới tự nhiên một cách duy vật, xuất phát từ bản thân giới tự nhiên.

Còn nói đến những hiện tượng xã hội, hiện tượng lịch sử, thì trước khi có chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa duy tâm đã chiếm địa vị thống trị hoàn toàn trong lãnh vực này. Không cần nói những người ủng hộ tôn giáo và triết học duy tâm chiếm địa vị

thống trị trong xã hội tư bản, mà ngay cả những nhà tư tưởng tiên tiến hồi bấy giờ, như những nhà duy vật Anh, Pháp thế kỷ XVII và XVIII hoặc Phơ-bách là nhà duy vật Đức vào khoảng những năm 40 thế kỷ XIX, cũng đứng trên lập trường duy tâm để giải thích các hiện tượng sinh hoạt xã hội và hiện tượng lịch sử xã hội. Các nhà thần học và các nhà triết học duy tâm, các nhà xã hội học và lịch sử học tư sản, tất cả những nhà tư tưởng của quý tộc phong kiến và của giai cấp đại tư sản, và tiểu tư sản, đều cho rằng ý thức, lý tính và những quan niệm, nguyên tắc về chính trị, đạo đức, tôn giáo v.v... là động lực chính quyết định sự phát triển của xã hội.

Ai cũng biết rằng trong giới tự nhiên, thì những lực lượng mù quáng và tự phát hoạt động. Còn trong xã hội, thì con người có lý tính, có ý thức và ý chí hoạt động. Bọn duy tâm căn cứ vào sự thật ấy mà đi tới kết luận sai lầm, chúng quả quyết rằng: trong giới tự nhiên thì tính quy luật và tính tất nhiên thống trị; trái lại, trong lịch sử xã hội thì ý chí tự do thống trị; sự thay đổi của ngày và đêm, sự thay đổi của bốn mùa, sự biến hóa của khí hậu và những hiện tượng tự nhiên khác không phụ thuộc vào ý chí và ý thức của người ta; còn những sự kiện lịch sử thì do hoạt động tự giác và ý chí của người, của những nhân vật lịch sử, lãnh tụ, anh hùng, thống soái, vua chúa quyết định. Những nhà học giả tư sản trong phái «ánh sáng» nhai đi nhai lại rằng: ý chí của người ta có thể lái được thế giới, có thể quyết định tiến trình của lịch sử.

Dưới con mắt của các nhà sử học và xã hội học duy tâm, lịch sử xã hội loài người biến thành một chuỗi sự việc ngẫu nhiên, một mớ những sai lầm, những lầm lẫn và những hành động bạo lực vô ý nghĩa. Cả một thời đại lịch sử, thí dụ thời trung cổ, bị coi là kết quả của loạn óc, là kết quả của sự ngu muội và mê tín của người ta, hoặc là kết quả của tính tình thô bạo và của pháp luật tàn khốc. Đáng lẽ phải lấy sự phát triển của các điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội để giải thích tư tưởng xã hội, quan điểm chính trị và lý luận chính trị, chế độ chính trị và các chế độ xã hội khác, thì bọn duy tâm lại đi từ ý thức của người ta, đi từ những tư tưởng và lý luận về triết học, về chính trị, v.v... để giải thích toàn bộ lịch sử xã hội. Bọn duy tâm cho rằng không phải tồn tại xã hội, không phải đời sống vật chất xã hội đẻ ra ý thức xã hội nhất định, mà trái lại ý thức xã hội đẻ ra và quyết định đời sống xã hội, tồn tại xã hội.

Muốn xây dựng quan niệm khoa học về lịch sử và đời sống xã hội, cần phải phê phán chủ nghĩa duy tâm về mọi mặt và đuổi nó ra khỏi nơi trú ẩn cuối cùng tức là lãnh vực lịch sử. Mác và Ăng-ghen đã thực hiện việc đó.

Quan điểm duy tâm về đời sống xã hội và lịch sử có những thiếu sót căn bản như sau:

1) Những nhà sử học và xã hội học duy tâm, khi nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu đời sống xã hội, chỉ xem xét động cơ tư tưởng của hoạt động của người ta mà không tìm xem cái gì đã gây nên và quyết định những động cơ ấy. Vì thế, họ chỉ dừng

lại ở bề ngoài các hiện tượng sinh hoạt xã hội, bề ngoài quá trình lịch sử, họ không thể đi sâu vào bản chất của hiện tượng, vạch ra nguyên nhân vật chất sâu sắc của những hiện tượng mà họ nghiên cứu.

2) Những người duy tâm coi xã hội và giới tự nhiên đối lập với nhau một cách siêu hình, họ nhìn thấy một vực thẳm giữa xã hội và giới tự nhiên. Họ bỏ qua sự thật sau đây : xã hội là một bộ phận của giới tự nhiên, tuy đó là một bộ phận đặc biệt ; không những hiện tượng tự nhiên mà cả hiện tượng xã hội cũng phải phục tùng tác động của những quy luật khách quan độc lập với ý thức và ý chí của người ta.

Những nhà sử học và xã hội học trước Mác chỉ nhìn thấy và chỉ mô tả những mối liên hệ bên ngoài và ngẫu nhiên của các sự kiện lịch sử và hiện tượng xã hội. Nhiều lắm thì họ cũng chỉ phản ánh được các mặt riêng rẽ của quá trình lịch sử, thu góp được một số tài liệu lẻ tẻ của sự thật, nhưng họ không thể nêu ra khoa học chân chính về xã hội và về quy luật phát triển của xã hội.

3) Đặc điểm của sử học và lý luận xã hội học trước Mác là bỏ qua tác dụng quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử, qui lịch sử xã hội thành lịch sử của vĩ nhân, vua chúa, tướng tá. Còn đối với quần chúng, nhân dân thì người duy tâm khinh thường họ, coi họ như là một thứ « vật chất » bị động, bảo thủ, có tính ỳ và chỉ khi nào có « tinh thần », tư tưởng, nhân vật kiệt xuất thúc đẩy thì thứ vật chất ấy mới hành động được.

Quan điểm duy tâm, sai lầm về xã hội, về lịch sử tồn tại trước khi duy vật lịch sử ra đời là do địa vị giai cấp và sự hạn chế về giai cấp của các nhà xã hội học và sử học quyết định. Đại biểu cho lợi ích của giai cấp mình, những nhà tư tưởng tư sản dùng luận điệu lừa bịp của chủ nghĩa duy tâm để làm cho quần chúng lạc hướng. Chúng xuyên tạc bộ mặt của đời sống xã hội, giải thích xuyên tạc về các sự kiện, về nạn nghèo đói và những đau khổ khác của người lao động trong các nước tư bản. Bọn duy tâm phản đối cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản đòi thay đổi điều kiện kinh tế và chính trị của đời sống xã hội; chúng cố sức bịa đặt ra những ảo tưởng, làm cho người ta tin rằng hình như cứ tự sửa mình theo đạo đức là có thể thay đổi được điều kiện sinh hoạt. Chủ nghĩa duy tâm phục vụ cho giai cấp bóc lột, làm cho lực lượng tiến bộ của xã hội, làm cho người lao động và giai cấp công nhân rơi vào địa vị bị động, tiêu cực về chính trị. Phê phán chủ nghĩa duy tâm một cách toàn diện và triệt để là điều kiện cần thiết cho sự biến đổi cách mạng mà Mác và Ăng-ghen đã hoàn thành trong khoa học.

Những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản không thể sáng lập được khoa học xã hội chân chính. Nhưng dù sao do ảnh hưởng của tiến trình các sự kiện lịch sử và sự thật lịch sử, những người nhìn sâu và nhìn xa nhất trong bọn họ cũng không thể không có một thái độ phê phán đối với quan điểm chủ quan duy tâm ấu trĩ và nông cạn. Những nhà tư tưởng tư sản tiên tiến và những người xã hội

chủ nghĩa không tưởng thế kỷ XVIII, XIX đã đưa ra nhiều luận điểm và suy luận khoa học mà Mác và Ăng-ghen có thể lấy làm căn cứ và thực tế đã lấy làm căn cứ. Như nhà học giả ánh sáng và duy vật Pháp thế kỷ XVIII là Hen-vê-chi-út đã nêu ra luận điểm về ý nghĩa giáo dục của hoàn cảnh xung quanh đối với người ta. Rút-xô đã nêu ra suy luận thiên tài về tác dụng của công cụ lao động bằng sắt và của nông nghiệp trong việc sinh ra sự không bình đẳng giữa người với người. Nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Xanh Xi-mông giải thích cách mạng Pháp hồi thế kỷ XVIII là kết quả cuộc đấu tranh giai cấp của lớp người thứ ba chống quý tộc phong kiến. Một số nhà sử học Pháp và Anh vào khoảng 25 năm đầu thế kỷ XIX trong khi nghiên cứu những sự kiện lịch sử trong thời đại phong kiến cũng như trong khi nghiên cứu cuộc cách mạng Anh thế kỷ XVII và cuộc cách mạng Pháp thế kỷ XVIII đã có ý định dùng quan điểm đấu tranh giai cấp để giải thích những cái đó. A-đam Smít và Ri-các-đô đã thử phân tách cơ sở kinh tế của việc phân chia giai cấp trong xã hội tư sản. Nhà triết học duy tâm Đức là Hê-ghen định trình bày lịch sử loài người là một quá trình tất nhiên, phát triển, tiến bộ và mâu thuẫn; theo ông ta thì sự phát triển của «tinh thần vũ trụ» huyền ảo là cơ sở của quá trình ấy. Hê-ghen dùng sự liên hệ bịa đặt rút trong triết học của ông ta để thay cho liên hệ chân thực của các hiện tượng lịch sử; ông ta đã thần bí hóa tính chất quy luật của hiện thực. Tuy vậy, ông ta lại phê phán quan điểm lịch sử

chủ quan và định giải thích những sự kiện lịch sử bằng những nguyên nhân sâu xa hơn là ý kiến, mục đích và ý chí của một số nhân vật lịch sử.

Khi nghiên cứu quá trình phát sinh của khoa học xã hội, quá trình phức tạp nhưng hợp với quy luật, Lê-nin viết :

« *Chính vì* môn khoa học ấy trước hết đã do các nhà kinh tế học cổ điển xây dựng trong khi tìm ra quy luật giá trị và việc phân chia giai cấp cơ bản của xã hội, — *chính vì* môn khoa học ấy đã được các nhà học giả ánh sáng thế kỷ XVIII cùng với các nhà kinh tế học cổ điển làm cho phong phú thêm trong cuộc đấu tranh chống phong kiến và thầy tu, — *chính vì* môn khoa học ấy đã được các nhà sử học và triết học đầu thế kỷ XIX thúc đẩy tiến lên, mặc dầu những nhà sử học và triết học ấy có quan điểm phản động, nhưng họ đã giải thích rõ thêm vấn đề đấu tranh giai cấp, phát triển phương pháp biện chứng và áp dụng hoặc bắt đầu áp dụng phương pháp biện chứng để giải thích đời sống xã hội, chính vì thế cho nên chủ nghĩa Mác đã bước nhiều bước dài theo đúng con đường ấy tất nhiên phải là *sự phát triển cao nhất* của toàn bộ khoa học lịch sử, kinh tế và triết học ở châu Âu .» (1)

Muốn biết việc sáng lập ra quan điểm lịch sử duy vật phù hợp với nhu cầu đã chín muồi như thế nào, có thể thấy rõ ở sự thật sau đây : các nhà

---

(1) Lê-nin « *Lại tiêu diệt chủ nghĩa xã hội một lần nữa* ».

tư tưởng tiên tiến ở Nga hồi giữa thế kỷ XIX tức là mấy nhà dân chủ cách mạng như Bi-ê-lin-sky, Ghéc-xen, Séc-ni-sếp-ski, Đa-bơ-ra-li-u-bốp không phải phụ thuộc vào Mác, Ăng-ghen mà đã độc lập bước những bước quan trọng đến việc xây dựng quan điểm đó. Họ đã đóng góp rất nhiều vào công việc chuẩn bị xây dựng khoa học xã hội. Họ đã nêu ra vấn đề tính quy luật của quá trình lịch sử, phê phán chủ nghĩa chủ quan và thuyết ý chí người ta trên hết, tiến gần đến chỗ nêu ra một cách chính xác những vấn đề như vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử, giải thích rõ tính chất giai cấp của triết học, văn học và nghệ thuật và định tìm nguồn gốc sinh ra quan điểm của người ta trong điều kiện sinh hoạt của người ta. Họ đã nhấn mạnh rằng: đời sống xã hội thay đổi và phát triển là nhờ có mâu thuẫn và đấu tranh giữa những lực lượng xã hội khác nhau, là bằng con đường cách mạng. Nhưng những nhà tư tưởng cách mạng ấy ở Nga, tuy họ là những người duy vật khi giải thích giới tự nhiên, tuy họ đã nêu một vài suy luận thiên tài và luận điểm đúng đắn, nhưng nhìn chung mà nói, thì vẫn là những người duy tâm khi giải thích đời sống xã hội; họ cho rằng: tiến trình lịch sử xét đến cùng là do tri thức tiến bộ và giáo dục được phổ cập trong nhân dân quyết định. Là những nhà tư tưởng của nông dân cách mạng, họ không thể sáng lập ra khoa học về quy luật phát triển của xã hội được.

Muốn sáng lập ra duy vật lịch sử, lúc ấy cần phải đập tan chủ nghĩa duy tâm dưới mọi hình

thức, khắc phục tính chất hạn chế một chiều, không triệt để và tiêu cực của chủ nghĩa duy vật cũ trước Mác, đồng thời sáng lập ra một hình thức cao hơn và triệt để khoa học của chủ nghĩa duy vật tức là sáng lập ra duy vật biện chứng. Nhiệm vụ ấy, Mác và Ăng-ghen đã thực hiện bằng cách tổng kết tất cả những thành tích của khoa học tự nhiên, bằng cách tổng kết thực tiễn có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của loài người, nhất là thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản.

Khi sáng lập ra duy vật biện chứng, Mác và Ăng-ghen đã dựa vào chủ nghĩa duy vật cũ, nhất là chủ nghĩa duy vật của người Pháp hồi thế kỷ XVIII và của Phơ-bách, giữ lấy hạt nhân cơ bản của nó, tức là cách giải quyết duy vật về vấn đề quan hệ giữa tinh thần với giới tự nhiên, giữa ý thức với vật chất. Mác và Ăng-ghen đã phát triển những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật cũ, và sáng lập ra học thuyết triết học mới là duy vật biện chứng, thế giới quan khoa học của chính đảng mác-xít của giai cấp công nhân. Mác và Ăng-ghen sáng lập ra biện chứng pháp duy vật đối lập hẳn với biện chứng pháp duy tâm của Hê-ghen, lợi dụng hạt nhân hợp lý nằm trong cái vỏ thần bí của biện chứng pháp Hê-ghen. Biện chứng pháp duy vật, phương pháp khoa học của chủ nghĩa Mác, là biện chứng pháp có tính chất phê phán triệt để và cách mạng triệt để.

Mác và Ăng-ghen đã mở rộng những nguyên lý của duy vật biện chứng vào việc nhận thức xã hội, áp dụng những nguyên lý ấy để nghiên cứu

đời sống xã hội, giải thích lịch sử xã hội, do đó mà sáng lập ra duy vật lịch sử. Mở rộng những nguyên lý của duy vật biện chứng vào việc nhận thức xã hội, làm cho người ta có thể giải quyết được chính xác vấn đề cơ bản trong khoa học xã hội tức là vấn đề quan hệ giữa tồn tại xã hội (nghĩa là sinh hoạt vật chất của xã hội, mà trước hết là quan hệ kinh tế) và ý thức xã hội, đồng thời cho phép người ta giải thích lịch sử là một quá trình có quy luật chặt chẽ.

Trái hẳn với mọi học thuyết duy tâm lấy ý thức xã hội để giải thích tồn tại xã hội, duy vật lịch sử lấy tồn tại xã hội, lấy điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội để giải thích ý thức xã hội. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, đó là nguyên lý cơ bản của duy vật lịch sử. Dùng phương pháp duy vật biện chứng để nghiên cứu xã hội, thì có thể hiểu rõ được liên hệ nội tại và tính quy định lẫn nhau của những hiện tượng xã hội, hiểu rõ được sự vận động và phát triển chứa chất mâu thuẫn của các hiện tượng xã hội đó. Duy vật lịch sử làm cho người ta có thể hiểu lịch sử loài người là một quá trình phát triển tiến bộ, phát triển tiến lên từ hình thái xã hội thấp đến hình thái xã hội cao, thông qua những mâu thuẫn sinh ra và được giải quyết, thông qua đấu tranh giữa lực lượng xã hội mới, tiên tiến chống lực lượng xã hội cũ, phản động, thối nát, thông qua cách mạng xã hội.

Mác và Ăng-ghen sáng lập ra duy vật lịch sử, đó là thành tích vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học, là một biến đổi cách mạng trong khoa học,

trong cách hiểu lịch sử xã hội. Trong « Lời tựa » nổi tiếng của cuốn « Góp phần phê phán chính trị kinh tế học », Mác đã nói lên một cách tài tình về thực chất, nguyên lý cơ bản của duy vật lịch sử ; Mác nói :

« Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, người ta có những mối quan hệ nhất định, tất nhiên và không phụ thuộc vào ý chí của bản thân người ta, đó là những quan hệ sản xuất thích hợp với trình độ phát triển nhất định của sức sản xuất vật chất của người ta lúc bấy giờ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy họp thành kết cấu kinh tế của xã hội, tức là cơ sở hạ tầng hiện thực trên đó dựng lên kiến trúc thượng tầng pháp luật, chính trị, và thích ứng với cơ sở hạ tầng đó thì có những hình thái ý thức xã hội nhất định. Phương thức sản xuất ra sinh hoạt vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, sinh hoạt chính trị, và sinh hoạt tinh thần nói chung. Không phải ý thức của người ta quyết định sự tồn tại của người ta, mà ngược lại, sự tồn tại xã hội của người ta quyết định ý thức của người ta. Sức sản xuất vật chất của xã hội phát triển đến một trình độ nhất định, thì phát sinh mâu thuẫn với quan hệ sản xuất hiện có hay là với quan hệ tài sản— quan hệ tài sản chỉ là biểu hiện của quan hệ sản xuất về mặt pháp lý—mà trong đó nó vẫn phát triển từ trước đến nay. Những quan hệ ấy từ chỗ là hình thức phát triển của sức sản xuất trở thành xiềng xích ràng buộc sức sản xuất ấy. Từ đó bắt đầu một thời đại cách mạng xã hội. Cùng với sự biến đổi của cơ sở kinh tế, toàn bộ kiến trúc

thượng tầng đồ sộ sớm hay muộn cũng biến đổi theo. Khi nghiên cứu những đảo lộn ấy, phải luôn luôn phân biệt rõ sự đảo lộn về vật chất xảy ra trong điều kiện sản xuất kinh tế, (sự đảo lộn mà ta quan sát với con mắt khoa học tự nhiên hết sức đúng), với những hình thức pháp luật, chính trị, tôn giáo, nghệ thuật hoặc triết học, nói giản đơn là những hình thức tư tưởng mà người ta dùng để quan niệm được sự xung đột ấy và đấu tranh với nó. Cũng như chúng ta không thể căn cứ vào ý kiến của một người nào đó về bản thân họ mà bình phẩm người ấy, khi chúng ta bình phẩm một thời đại đảo lộn như thế, chúng ta cũng không thể căn cứ vào ý thức của thời đại đó được. Trái lại ta phải giải thích ý thức ấy bằng những mâu thuẫn trong sinh hoạt vật chất, bằng sự xung đột hiện có giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội. Bất cứ một hình thái xã hội nào cũng không bao giờ diệt vong trước khi tất cả sức sản xuất mà hình thái xã hội ấy đem lại đầy đủ địa thế, chưa phát triển hết ; và quan hệ sản xuất mới, cao hơn cũng không bao giờ xuất hiện trước khi những điều kiện vật chất mà nó dựa vào để tồn tại chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ. Cho nên bao giờ loài người cũng chỉ nêu ra những nhiệm vụ mà mình có thể giải quyết được, vì nếu chúng ta xem xét kỹ thì bao giờ cũng thấy rằng bản thân nhiệm vụ chỉ xuất hiện, khi những điều kiện vật chất để giải quyết nhiệm vụ ấy đã có hoặc ít nhất cũng đang thành hình. » (1)

---

(1) Văn tuyển của Mác và Ăng-ghen.

3. – QUY LUẬT PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI VÀ TÍNH CHẤT KHÁCH QUAN CỦA QUY LUẬT ẤY

Khi các nhà sử học và xã hội học còn coi sự thay đổi về tư tưởng và sự hoạt động của nhân vật kiệt xuất nào đấy là nguyên nhân chủ yếu làm cho xã hội phát triển, thì không thể tìm ra *tính quy luật* tức là liên hệ nội tại tất nhiên trong sự phát triển của sinh hoạt xã hội : đối với con mắt của những nhà xã hội học ấy, lịch sử chẳng qua chỉ là biểu hiện của rất nhiều ý muốn và hành động xoắn xuýt và xung đột lẫn nhau của người ta, nói giản đơn là biểu hiện của vô số sự kiện ngẫu nhiên. Nhưng khoa học là kẻ thù của ngẫu nhiên : nhiệm vụ của khoa học là phải vạch rõ mối liên hệ nội tại tất nhiên tức là tính quy luật của hiện tượng đằng sau vô số những sự kiện thực sự ngẫu nhiên và những sự kiện hình như ngẫu nhiên.

Đối với những nhà học giả « ánh sáng » của giai cấp tư sản thế kỷ XVIII thì chế độ phong kiến hình như là một sai lầm lịch sử, là một sự vận động thụt lùi so với thời cổ. Như thế vì họ nhìn chế độ phong kiến bằng con mắt siêu hình, chứ không phải bằng con mắt biện chứng : họ nghiên cứu chế độ phong kiến tách rời điều kiện lịch sử khách quan đẻ ra nó. Nhìn vào điều kiện nước Pháp thế kỷ XVIII và điều kiện nước Nga thế kỷ XIX, chế độ nông nô phong kiến đã trở thành hiện tượng lỗi thời, ngược với tự nhiên, « không hợp lý » nữa. Nhưng trong điều kiện thời trung cổ, đối

với các dân tộc ở toàn bộ châu Âu cũng như đối với các dân tộc khác trên thế giới cùng ở trong một giai đoạn phát triển như thế, thì chế độ phong kiến lại là hiện tượng tất nhiên, hợp với quy luật, tiến bộ, và vì thế mà cũng là « hợp lý ».

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại ở Nga là một sự kiện hợp với quy luật và có tính chất tất nhiên lịch sử, thế mà những nhà xã hội học và chính trị tư sản lại nói là ngẫu nhiên, trái ngược với tự nhiên. Họ căn cứ vào đâu để phủ nhận tính quy luật của sự kiện đó ? Đó chỉ là vì Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại và chế độ xã hội, chế độ Nhà nước xô viết xã hội chủ nghĩa do cuộc cách mạng ấy sản sinh ra mâu thuẫn với lợi ích của giai cấp tư sản, mâu thuẫn với những khái niệm về chế độ xã hội « thông thường », « tự nhiên » của những nhà tư tưởng tư sản.

Cuộc cách mạng phản đế phản phong của Trung-quốc thắng lợi và chế độ dân chủ nhân dân ra đời ở nhiều nước châu Âu là những sự kiện hợp với quy luật, thế mà bọn phản động ở các nước tư bản, kể cả bọn thủ lĩnh đảng xã hội cánh hữu lại coi đó là những hiện tượng ngược lại tự nhiên, những hiện tượng « không thông thường ». Tại sao ? Đó chỉ là vì những sự kiện lịch sử vĩ đại ấy đã giáng một đòn chí tử mới vào chủ nghĩa đế quốc và báo trước sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản ở khắp các nước. Nguyên nhân của thái độ như thế là tính chất mù quáng giai cấp của những nhà tư tưởng tư sản, là sự run sợ của chúng trước sự sụp đổ ngày càng gần của toàn bộ hệ thống tư

bản chủ nghĩa và trước sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, là lợi ích giai cấp của giai cấp tư sản hòng dùng mọi cách để giữ lấy nền thống trị của chúng và nói xấu hoặc thu nhỏ ý nghĩa của tất cả những cái gì là mới, là tiến bộ và cách mạng. Nhưng dù những nhà tư tưởng của bọn đế quốc phản động lồng lộn điên cuồng như thế nào trước những sự kiện đó, sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội vẫn là những hiện tượng tất nhiên, hợp với quy luật chẳng khác gì hết đêm đến ngày, đông qua xuân tới và hạ sang.

Duy vật lịch sử dạy chúng ta : khi nghiên cứu bất cứ một hiện tượng xã hội nào, cũng phải liên hệ với những điều kiện sinh ra hiện tượng ấy. Mọi cái đều tùy ở điều kiện, địa điểm và thời gian.

« Toàn bộ tinh thần của chủ nghĩa Mác, toàn bộ hệ thống của nó yêu cầu là đối với mỗi một tình hình chỉ nên xét nó : a) một cách lịch sử ; b) một cách có liên hệ với những tình hình khác ; c) một cách có liên hệ với kinh nghiệm lịch sử cụ thể. » (1)

Chỉ có nghiên cứu những hiện tượng xã hội một cách cụ thể và theo quan điểm lịch sử, mới có thể nhận thức được liên hệ nội tại tất nhiên, tức là tính quy luật trong sự phát triển của xã hội.

Sự liên hệ giữa các hiện tượng có rất nhiều mối, có liên hệ bên ngoài, riêng lẻ, ngẫu nhiên, cũng có liên hệ nội tại, phổ biến, tất nhiên, vững

---

(1) Lê-nin toàn tập, quyển 35.

chắc, diễn đi diễn lại và thuộc về bản chất. Quy luật của giới tự nhiên, hoặc quy luật phát triển của xã hội mà khoa học tìm ra, là những cái phản ánh những liên hệ và quan hệ nội tại, tất nhiên, phổ biến, diễn đi diễn lại, tương đối vững chắc tức là phản ánh những liên hệ và quan hệ do bản chất và bản tính của các hiện tượng và các quá trình sản sinh ra.

Ví dụ, trong xã hội tư bản, sở dĩ có những giai cấp đối địch chống chọi lẫn nhau, tức là giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, và có cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp ấy, đó không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên, mà là tất nhiên, không thể tránh khỏi, do bản chất, bản tính của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa quyết định. Đó là quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản. Còn trong xã hội xã hội chủ nghĩa, sở dĩ không có giai cấp đối địch lẫn nhau, đó là do bản chất và bản tính của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa quyết định. Quan hệ hữu ái giữa giai cấp công nhân và nông dân là quy luật phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Lịch sử chứng tỏ rằng quá trình xã hội sinh ra và phát triển, không phải do liên hệ bên ngoài, ngẫu nhiên của hiện tượng quyết định, mà là do liên hệ nội tại, tất nhiên của hiện tượng quyết định. Hết thảy những hiện tượng như phong trào giải phóng dân tộc, cách mạng xã hội, đấu tranh giai cấp, chiến tranh, một hình thái xã hội này thay thế một hình thái xã hội khác, quyết không phải là những hiện tượng ngẫu nhiên như những

nhà xã hội học tư sản đã nói, mà là những hiện tượng có quy luật chặt chẽ, do sự phát triển của điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội quyết định.

Chủ nghĩa tư bản thay thế chủ nghĩa phong kiến, đó không phải là ngẫu nhiên, mà là tất nhiên, hợp với quy luật. Điều kiện vật chất nhất định, điều kiện phát triển kinh tế nhất định tất nhiên làm cho chủ nghĩa tư bản ra đời. Ngày nay chủ nghĩa xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản, cũng không phải là ngẫu nhiên, mà là hợp với quy luật, là tất nhiên.

Theo những nhà xã hội học tư sản, xã hội chẳng qua chỉ là một sự tổng hợp máy móc những cá nhân lại. Nói như thế không đúng. *Xã hội*, đó là sản vật của tác động qua lại giữa người với người, là một hệ thống nhất định gồm những quan hệ giữa người với người và trước hết là quan hệ sản xuất giữa người với người, tức là quan hệ hợp thành nền tảng *cơ sở hạ tầng* của xã hội. Giữa những hiện tượng sinh hoạt xã hội, có một mối liên hệ hữu cơ. Sự liên hệ và tính quy định nội tại, tất nhiên, vững chắc giữa các hiện tượng sinh hoạt xã hội đồng thời là quy luật của đời sống xã hội, *quy luật phát triển của xã hội.*

Cũng như quy luật của giới tự nhiên, quy luật phát triển của xã hội biểu hiện liên hệ *khách quan* và hiện thực giữa các hiện tượng, liên hệ ấy tồn tại độc lập với ý chí và ý thức của người ta. Cho mãi đến ngày nay, tức là trước khi có chủ nghĩa xã hội, những quy luật ấy, cũng như quy

luật của giới tự nhiên, chủ yếu tác động một cách tự phát. Ví dụ: trong những xã hội nào mà sản phẩm lao động mang hình thức hàng hóa thì ở đấy quy luật giá trị tự nó có tác động, mặc dù người ta có ý thức hay không, mặc dù người ta có muốn coi trọng quy luật ấy hay không. Dưới chế độ tư bản, quy luật giá trị và các quy luật kinh tế khác tác động như những lực lượng tự phát.

Duy vật lịch sử coi sự phát triển của xã hội là một quá trình tự nhiên, lịch sử. 1) Như thế nghĩa là: sự phát triển của xã hội do tính tất nhiên và tính quy luật chi phối; 2) Như thế nghĩa là: quy luật quyết định sự phát triển của xã hội tồn tại một cách hiện thực, khách quan, không lệ thuộc vào ý chí và ý thức, những quy luật ấy quyết định ý chí và ý thức, quyết định cả đời sống xã hội và hoạt động của người ta.

Người ta không thể xóa bỏ, tiêu diệt hoặc cải tạo quy luật của giới tự nhiên, thì người ta cũng không thể làm như thế đối với quy luật phát triển của xã hội. «Người ta có thể tìm ra những quy luật ấy, nhận thức nó, nghiên cứu nó, chú ý đến nó trong hành động của mình, lợi dụng nó để mưu lợi ích cho xã hội, nhưng người ta không thể thay đổi, hoặc xóa bỏ những quy luật ấy, người ta lại càng không thể đặt ra hay sáng tạo nên những quy luật khoa học mới.» (1)

---

(1) Sta-lin: «Vấn đề kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô».

Dù nói đến xã hội tư bản mà nền kinh tế phát triển một cách tự phát, hay nói đến xã hội xã hội chủ nghĩa mà nền kinh tế phát triển một cách có kế hoạch cũng vậy, bất cứ ở xã hội trước hay ở xã hội sau, sự phát triển ấy cũng đều xảy ra trên cơ sở những quy luật khách quan độc lập với ý chí và ý thức của người ta. Ví dụ: Tính chất khách quan của quy luật kinh tế của xã hội tư bản biểu hiện ra ở những cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, và ở tất cả những mối mâu thuẫn ngày càng tăng thêm, ngày càng sâu sắc và kịch liệt của chủ nghĩa tư bản. Tuy nhà tư bản muốn phồn thịnh mà không muốn khủng hoảng và mâu thuẫn sâu sắc; nhưng đó là quy luật kinh tế khách quan của xã hội tư bản chủ nghĩa, quy luật không phụ thuộc vào ý chí của nhà tư bản.

Giai cấp công nhân Nga dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, khi tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, đã dựa vào những quy luật khách quan dưới đây: Quy luật kinh tế quan hệ sản xuất nhất định phải thích hợp với tính chất của sức sản xuất, những quy luật phát triển kinh tế khác cũng như những quy luật đấu tranh giai cấp và cách mạng.

Thông hiểu quy luật khách quan thì có thể dự kiến được chiều hướng của sự phát triển, có thể hoạt động thuận lợi và có hiệu quả để mưu lợi ích cho xã hội.

Phủ nhận quy luật phát triển khách quan của xã hội là duy tâm, là vứt bỏ khoa học xã hội. Đồng

thời, phủ nhận quy luật khách quan của những hiện tượng xã hội tức là vứt bỏ khả năng dự kiến tiến trình của sự biến, tức là phủ nhận khả năng căn cứ vào dự kiến khoa học mà ảnh hưởng đến tiến trình của sự biến, phủ nhận khả năng khống chế tiến trình của sự biến trên cơ sở thông hiểu quy luật khoa học.

Kẻ nào coi thường quy luật xã hội bao giờ cũng chịu kết quả tai hại. Kẻ nào đi ngược lại quy luật khách quan, đi ngược lại chiều hướng phát triển khách quan của lịch sử đều không thể đạt được mục đích, đều thất bại. Bọn xã hội cách mạng và bọn men-sê-vích Nga, chính vì không muốn coi trọng tính tất nhiên của cách mạng vô sản và nền chuyên chính vô sản, nên đã đi đến số phận như thế. Bọn tơ-rốt-kít không thừa nhận chủ nghĩa xã hội có thể thắng lợi ở Liên-xô, cũng đã đi đến số phận như thế. Năm 1918 — 1920 bọn đế quốc Mỹ, Anh, Pháp, v.v... rắp tâm bóp chết nước Nga xô viết, cũng đã phá sản như thế. Số phận của Hít-le hòng nô dịch hay tiêu diệt Liên-xô, hòng xây dựng nước Đức phát xít bá chủ thế giới cũng như thế. Chính sách diên cuồng của đế quốc Mỹ hòng làm bá chủ thế giới và kéo ngược lịch sử trở lại, tất nhiên cũng sẽ thất bại như thế.

Sức mạnh của Đảng mác-xít là ở chỗ : trong hoạt động thực tiễn, trong cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa cộng sản, Đảng mác-xít dựa vào quy luật phát triển của xã hội, dựa vào sự hiểu biết về quy luật ấy và vận dụng quy luật ấy một cách tự giác để mưu lợi ích cho nhân dân.

Cũng như quy luật của giới tự nhiên, quy luật phát triển của xã hội biểu hiện ra ở những sự việc tương đối ổn định trong quan hệ giữa các hiện tượng, ở những sự việc diễn đi diễn lại nhiều lần theo một thứ tự tất nhiên, với một trình độ chính xác nhất định, khi có đủ những điều kiện khách quan nhất định. Ở đâu có những nguyên nhân nhất định thì ở đấy tất nhiên có những kết quả nhất định; thí dụ: một chế độ kinh tế nhất định tất nhiên đẻ ra những hiện tượng nhất định. Chế độ kinh tế tư bản tất nhiên gây ra kinh tế khủng hoảng, thất nghiệp, quần chúng nghèo khổ và chiến tranh. Muốn tiêu diệt kết quả, thì phải tiêu diệt nguyên nhân đẻ ra nó. Muốn tiêu diệt thất nghiệp, nghèo nàn, khủng hoảng sản xuất quá thừa và chiến tranh đế quốc, thì phải tiêu diệt chủ nghĩa tư bản.

Các nhà xã hội học và sử học tư sản vào nửa cuối thế kỷ XIX và thế kỷ XX như Rích-ke-tơ, Vin-đen-ban, Vi-be, Mây-e, Sun-xư ở Đức, Rát-sơn, Phi-đớc, Tơ-ri-vi-li-an ở Anh, Đu-i, Bô-ga-đúc, Rốt-xơ và phe cánh của họ ở Mỹ trước đây và hiện nay cứ khăng khăng một mực không thừa nhận là có quy luật khách quan trong lịch sử. Họ đem những sự kiện lịch sử xã hội đối lập hẳn với hiện tượng tự nhiên một cách siêu hình và duy tâm, họ nói rằng hiện tượng xã hội khác với hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tự nhiên diễn đi diễn lại đều đặn còn hiện tượng xã hội thì hình như chỉ có tính chất riêng lẻ, không diễn đi diễn lại. Những nhà xã hội học đó nói rằng cuộc chiến tranh Hy-lạp

Ba-tư, các trận đánh Ao-stéc-lít hoặc Pôn-ta-va đều chỉ có một lần, không bao giờ diễn lại lần nữa; do đó ở đây không thể nói đến quy luật, vì quy luật là biểu hiện của những hiện tượng chung, nghĩa là biểu hiện của những hiện tượng diễn đi diễn lại, xảy ra theo một thứ tự nhất định bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu. (1)

Các nhà xã hội học tư sản muốn đem xã hội đối lập với giới tự nhiên để bảo vệ cho quan điểm lịch sử duy tâm, và « chứng minh » sự phủ nhận những quy luật phát triển khách quan của xã hội. Ý định đó hết sức phản khoa học và phản động. Xã hội là vòng khâu cao nhất trong sợi dây chuyền phát triển của thế giới vật chất. Nó là một bộ phận đặc biệt của thế giới vật chất, có quy luật vận động, phát triển đặc biệt mà chỉ có nó mới có. Nhưng mặc dù hiện tượng xã hội có khác hiện tượng tự nhiên về chất, hiện tượng xã hội cũng bị quy luật khách quan chi phối.

Bất cứ trong giới tự nhiên hay trong xã hội đều không có hiện tượng giống nhau tuyệt đối. Không có hai lá cây hay hai động vật cùng loài lại tuyệt đối giống nhau. Nhưng điều đó không hề trở ngại gì cho việc các nhà khoa học tự nhiên quy nó vào cùng một giống động vật hay thực vật nhất định. Trong xã hội cũng thế. Đương nhiên, chủ nghĩa tư bản Mỹ phát triển có chỗ khác với Anh,

---

(1) Nhà sử học Đức là Mây-e viết: « Tôi nghiên cứu lịch sử đã lâu, nhưng chưa bao giờ tìm ra một quy luật của lịch sử, cũng chưa bao giờ thấy ai tìm ra một quy luật như thế cả. »

Nhật khác với Pháp: mỗi một nước đều có một số đặc điểm và đặc trưng do điều kiện phát triển lịch sử khác nhau gây nên. Nhưng dù các nước đó mỗi nước có một số đặc điểm và đặc trưng, giữa các nước ấy vẫn có những điểm chung về mặt căn bản, chủ yếu, cho nên mới có căn cứ để quy các nước ấy vào cùng một hình thái kinh tế xã hội tức là hình thái *tư bản chủ nghĩa*.

Xã hội tư bản không phải xuất hiện cùng một lúc trong các nước khác nhau. Nhưng khi giai cấp tư sản ra đời rồi, thì ở tất cả các nước nơi nào cũng có cuộc đấu tranh giai cấp giành quyền thống trị chính trị giữa giai cấp tư sản và quý tộc. Ở tất cả các nước tư bản chính, cuộc đấu tranh giai cấp ấy đều kết thúc bằng cuộc cách mạng chống phong kiến. Thí dụ nước Anh hồi thế kỷ XVII, nước Pháp hồi thế kỷ XVIII và nước Đức năm 1848 đều như thế cả. Trong mấy cuộc cách mạng ấy, mỗi cuộc cách mạng đều có những đặc trưng có một không hai của nó. Nhưng cả mấy cuộc cách mạng đều là *cách mạng tư sản chống phong kiến*.

Hễ nơi nào có chủ nghĩa tư bản, thì tất nhiên ở một phía, của cải mỗi ngày một tăng thêm, còn ở phía kia, thì ngày càng nghèo khổ, và tất nhiên cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản cũng đồng thời phát triển. Đó là quy luật của chủ nghĩa tư bản. Hễ ở nơi nào mà mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản trở nên gay gắt thì ảnh hưởng tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, ảnh hưởng của chính đảng mác-xít cũng tăng thêm trong giai cấp công nhân. « Vấn

đề ở đây không phải là ở trình độ phát triển cao hay thấp của những đối kháng xã hội sản sinh ra từ quy luật tự nhiên của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vấn đề là ở *bản thân những quy luật ấy*, ở bản thân những *khuynh hướng* ấy, nó hoạt động và thực hiện theo tính tất nhiên sắt đá. » (1)

Chủ nghĩa Mác dạy chúng ta rằng : những nước phát triển cao hơn về kinh tế và về chính trị, sẽ chỉ rõ tương lai cho những nước phát triển thấp hơn. Ở thời đại chúng ta, Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân đang vạch rõ tương lai cho tất cả các nước tư bản trên toàn thế giới.

Cho nên, không những trong giới tự nhiên, mà cả trong đời sống xã hội, cũng có tính chất lắp đi lắp lại. Đó là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của mọi quy luật, kể cả quy luật của lịch sử xã hội.

Trong xã hội có hiện tượng nào không lắp đi lắp lại, có một không hai không? Đương nhiên là có. Không có A-ri-stốt thứ hai. Nghệ thuật cổ Hy-lạp lấy thần thoại làm căn cứ cũng không lắp lại nữa. Nhưng dù là những hiện tượng đặc biệt, có một không hai, triết học của A-ri-stốt và nghệ thuật cổ Hy-lạp cũng vẫn chịu sự chi phối của quy luật phát triển của xã hội. Quan điểm triết học và quan điểm chính trị xã hội của A-ri-stốt là do điều kiện của thời đại ông, là do quan hệ xã hội của thời đại ông đẻ ra. Nghệ thuật cổ Hy-lạp cũng vậy, nó lấy thần thoại cổ Hy-lạp làm cơ sở tư tưởng và

---

(1) Mác: « Tư bản ».

kho tàng tư tưởng, nó không thể ra đời trong thời đại hơi nước và điện lực chẳng hạn.

Tóm lại, chúng ta thấy rằng, mặc dù hiện tượng lịch sử xã hội và hiện tượng tự nhiên có những đặc điểm khác nhau, nhưng bất cứ trong xã hội, trong lịch sử, hay trong giới tự nhiên, quy luật khách quan của hiện tượng cũng đều thống trị.

Những nhà xã hội học, sử học và những nhà lý luận chính trị của giai cấp tư sản phủ nhận quy luật khách quan của lịch sử xã hội, đó là vì họ sợ tính tất nhiên lịch sử tàn khốc. Những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản không thể thừa nhận tính tất nhiên lịch sử là chủ nghĩa tư bản diệt vong và lực lượng xã hội chủ nghĩa thắng lợi được! và những bọn ngụy biện của họ phủ nhận quy luật phát triển của xã hội là nhằm mục đích làm lay chuyển lòng tin tưởng của giai cấp công nhân vào thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, vào khả năng dự kiến sự tiến triển của sự việc và khả năng cải tạo xã hội một cách tự giác.

Nếu chúng ta không thể dung thứ được việc đem xã hội đối lập tuyệt đối với giới tự nhiên như bọn siêu hình và duy tâm thường làm thì cũng không thể dung thứ được việc đem hiện tượng xã hội coi ngang như hiện tượng tự nhiên một cách máy móc. Thế mà những nhà tư tưởng tư sản hoặc đem xã hội đối lập với giới tự nhiên một cách siêu hình, hoặc ngược lại, lại lẫn lộn quy luật phát triển của xã hội với quy luật phát triển của giới tự nhiên, và tìm cách giải đáp những vấn đề lịch sử, xã hội trong bản tính sinh vật học của loài người mà họ

cho là vĩnh viễn, không bao giờ thay đổi. Nếu nói lý luận của *chủ nghĩa chủ quan* định cắt rời xã hội với giới tự nhiên, đào một hố sâu ngăn cách xã hội với tự nhiên, thì lý luận sinh vật học hay các thứ lý luận khác của *chủ nghĩa tự nhiên* lại định hỗn hợp những hiện tượng xã hội với những hiện tượng tự nhiên như hiện tượng sinh vật học, hiện tượng vật lý học, hiện tượng lực học, định áp dụng những quy luật sinh vật học, vật lý học, lực học vào xã hội. Họ hòng dùng phương pháp ấy để bênh vực chủ nghĩa tư bản, và nói rằng tất cả những ung nhọt và tội ác của chủ nghĩa tư bản như cảnh nghèo đói của nhân dân lao động, nạn thất nghiệp v.v... đều là những kết quả không thể trừ bỏ được của những quy luật tự nhiên vĩnh viễn tồn tại.

Trong xã hội học và chính trị kinh tế học tư sản phản động hiện nay đang lưu hành cái gọi là *chủ nghĩa Đác-uyn xã hội, chủ nghĩa chủng tộc và chủ nghĩa Man-tuýt mới*. Những người theo chủ nghĩa Đác-uyn xã hội đem công thức «đấu tranh để sinh tồn» của Đác-uyn áp dụng một cách máy móc vào xã hội. Những người theo chủ nghĩa Đác-uyn xã hội và chủ nghĩa chủng tộc gọi sự nghèo đói của quần chúng, chiến tranh đế quốc và áp bức thuộc địa là «đấu tranh để sinh tồn», nói đó là quy luật sinh vật học của tự nhiên, là cuộc đấu tranh của chủng tộc «cao đẳng» với chủng tộc «thấp hèn». Thứ lý luận hoang đường, khoa học giả dối ấy không có dính líu gì với khoa học cả, chẳng khác gì vòm trời cách xa mặt đất. Khi phê phán Lăng-gơ, tác giả quyển «Bàn về vấn đề lao

công » và là một trong những người sáng lập ra lý luận sinh vật học, Mác đã viết bằng một giọng châm biếm như sau : «...Lăng-gơ đã có một phát hiện vĩ đại. Toàn bộ lịch sử đều có thể đặt dưới sự chi phối của quy luật tự nhiên duy nhất, vĩ đại. Quy luật tự nhiên ấy biểu hiện ở câu « Struggle for life » tức là « đấu tranh để sinh tồn » (câu nói của Đác-uyn, khi Lăng-gơ dùng như thế thì biến thành một câu trống rỗng), mà nội dung của câu đó lại là luật nhân khẩu của Man-tuýt, hay nói đúng hơn là luật nhân khẩu quá thừa. Cho nên, đáng lẽ phải phân tách câu « Struggle for life », xem nó biểu hiện một cách lịch sử trong các hình thái xã hội khác nhau như thế nào, thì lại không làm gì hơn là biến mọi cuộc đấu tranh cụ thể thành câu « Struggle for life », rồi lại biến câu ấy thành « ảo tưởng về nhân khẩu » của Man-tuýt ! Cần phải thừa nhận rằng đó là một phương pháp có sức thuyết phục đối với những kẻ ngu muội dốt nát, lười suy nghĩ, ngụy trang khoa học, giả danh gượng gạo, tự tôn mù quáng. » (1)

Cuộc vận động của xã hội là do quy luật riêng biệt của nó chi phối, quy luật ấy không thể quy kết thành quy luật của giới tự nhiên. Động vật hưởng những thứ sẵn có trong thiên nhiên không phải do nó lao động mà sản xuất ra. Loài người thì lại dựa vào lao động của mình mà cải biến thiên nhiên, bắt thiên nhiên phục tùng mình, sản xuất ra những thứ mà bản thân giới tự nhiên

---

(1) Thư của Mác gửi Cu-gơ-man (27-6-1870).

không sáng tạo ra. Khi động vật đấu tranh với giới tự nhiên xung quanh mình, thì chỉ sử dụng khí quan sẵn có, còn loài người thì dùng công cụ sản xuất tự mình chế tạo ra. Sự phát triển của động vật tức là sự phát triển của các khí quan thiên nhiên, còn sự phát triển của xã hội loài người thì trước hết gắn liền với sự phát triển của sức sản xuất.

Cho nên không thể áp dụng quy luật của giới tự nhiên vào xã hội, không thể ghép những khái niệm của vật lý học, sinh vật học vào hiện tượng sinh hoạt xã hội như Công-tơ, Ghi-rơ-béc, Spen-xơ, và những kẻ theo chủ nghĩa thực chứng, những kẻ duy tâm, máy móc theo đuôi Công-tơ và Spen-xơ (thí dụ bọn Bốc-đa-nốp) đã làm.

Chủ nghĩa Mác luôn luôn vạch trần mọi thứ ý định đem khái niệm khoa học tự nhiên ghép vào lãnh vực khoa học xã hội, cho rằng đó chỉ là phương pháp phản động, phản khoa học nhằm xuyên tạc khoa học xã hội. Lê-nin đã từng nhấn mạnh rằng: « Dựa vào những khái niệm ấy thì *không thể nghiên cứu* gì về hiện tượng xã hội cả, *không thể* có một cách giải thích nào về *phương pháp* khoa học xã hội. Không còn gì dễ hơn là đem lá bùa « thuyết duy năng » hoặc « sinh vật xã hội học » dán lên những hiện tượng như là khủng hoảng, cách mạng và đấu tranh giai cấp, v. v... nhưng cũng không có gì vô ích, chết cứng và máy móc hơn công việc đó. » (1)

•

(1) Lê-nin: « Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán ».

Thứ lý luận phản động máy móc đó của Spen-xơ và học trò của hắn cũng như của Bốc-đa-nốp và những kẻ nối nghiệp hắn, nhằm che lấp cơ sở vật chất khách quan chân chính của sự phát triển của xã hội, tức là phương thức sản xuất ra của cải vật chất. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã đập tan và vạch rõ tính chất phản động, không khoa học của những lý luận ấy.

Mác đã tìm ra rằng sự phát triển của việc sản xuất ra của cải vật chất cần thiết cho đời sống của người ta là *cơ sở* quyết định sự phát triển của xã hội, do đó mà sáng lập ra khái niệm *hình thái kinh tế xã hội*. Hình thái kinh tế xã hội là một giai đoạn phát triển nhất định của xã hội mà đặc trưng là phương thức sản xuất riêng của giai đoạn ấy, do đó đặc trưng cũng là quan hệ sản xuất nhất định trong lịch sử và quan hệ chính trị, quan hệ tư tưởng, v.v... thiết lập trên quan hệ sản xuất ấy. Quan hệ sản xuất không bao gồm được tất cả các quan hệ xã hội muôn hình muôn vẻ, nhưng nó là cơ sở kinh tế trên đó có thượng tầng kiến trúc do nó chi phối và đẻ ra, tức là quan điểm chính trị, pháp quyền, tôn giáo, nghệ thuật và triết học cùng những chế độ thích hợp với những quan điểm ấy. Phương thức sản xuất quyết định tính chất và kết cấu của mỗi hình thái kinh tế xã hội.

Trong lịch sử có năm loại hình thái kinh tế-xã hội chủ yếu: chế độ công xã nguyên thủy, xã hội nô lệ, xã hội phong kiến, xã hội tư bản và xã hội cộng sản (giai đoạn thứ nhất của chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa xã hội đã thực hiện ở Liên-xô).

Quy luật phát triển của xã hội có tính chất lịch sử: một loại là chung của mọi hình thái xã hội, một loại là riêng của những hình thái xã hội có tính chất đối kháng, còn loại thứ ba là quy luật riêng của một hình thái kinh tế xã hội nào đó.

Sta-lin viết: «Các hình thái xã hội trong sự phát triển kinh tế của nó, không những phục tùng những quy luật kinh tế riêng của mình, mà còn phục tùng cả những quy luật kinh tế chung cho mọi hình thái, thí dụ: quy luật về sự thống nhất giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất trong cùng một nền sản xuất xã hội, quy luật về quan hệ giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất trong quá trình phát triển của hết thảy mọi hình thái xã hội. Do đó, các hình thái xã hội không những chỉ phân biệt với nhau bằng những quy luật riêng, mà còn liên hệ với nhau bằng những quy luật kinh tế chung cho tất cả mọi hình thái nữa.» (1)

Về những quy luật chung nhất có hiệu lực đối với mọi hình thái xã hội trong mọi giai đoạn phát triển của xã hội, thì có chẳng hạn như những quy luật xã hội học dưới đây:

Quy luật: tồn tại xã hội có tác dụng quyết định đối với ý thức xã hội;

Quy luật: phương thức sản xuất ra của cải vật chất có tác dụng quyết định đối với sự kết cấu và sự phát triển của xã hội;

---

(1) Sta-lin: «Vấn đề kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô».

Quy luật kinh tế: quan hệ sản xuất nhất định phải thích hợp với tính chất và trình độ phát triển của sức sản xuất;

Quy luật: cơ sở kinh tế có tác dụng quyết định đối với kiến trúc thượng tầng của xã hội;

Quy luật về cách mạng xã hội khi một hình thái kinh tế - xã hội chuyển sang một hình thái kinh tế - xã hội khác, và nhiều quy luật khác nữa.

Những quy luật xã hội học chung nhất đều có hiệu lực đối với hết thảy mọi giai đoạn phát triển của xã hội; có thay đổi chỉ là hình thức biểu hiện của những quy luật chung ấy ở những hình thái xã hội khác nhau, và đó là do những điều kiện hoạt động đặc biệt của những quy luật đó trong mỗi hình thái quyết định. Tìm được những quy luật chung ấy là nhờ có sự phân tích khoa học về những quan hệ và điều kiện chung chứng tỏ sự tồn tại và phát triển của mọi hình thái kinh tế xã hội đã có trong lịch sử. Chính trên cơ sở những điều kiện chung ấy mà quy luật phát triển chung nhất của xã hội đã nảy nở và biểu hiện ra.

Có một số quy luật phát triển của xã hội như quy luật đấu tranh giai cấp, thì chỉ những xã hội có giai cấp đối kháng mới có. Những quy luật ấy chưa từng có trong hàng mấy vạn năm dưới chế độ công xã nguyên thủy. Những quy luật ấy cũng sẽ mất hết tác dụng cùng với sự tiêu diệt của giai cấp.

Đi theo sự phát triển và thay đổi của phương thức sản xuất, đấu tranh giai cấp cũng trải qua nhiều giai đoạn phát triển lịch sử khác nhau. Đương

nhiên cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản ngày nay, xét về mục đích cũng như về hình thức và phương tiện đều khác với cuộc đấu tranh giai cấp của nô lệ hay nông nô. Nhưng đối với mọi hình thái xã hội có giai cấp đối kháng, nhất là đối với xã hội tư bản, và đối với thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội mà nói, thì đấu tranh giai cấp là quy luật khách quan và động lực phát triển.

Có những quy luật đặc biệt chỉ riêng một hình thái xã hội mới có, ví như: quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản, quy luật kinh tế cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa, v.v...

Trong những nhà xã hội học và kinh tế học tư sản, có nhiều người đề những quy luật có tính chất hạn chế trong lịch sử của xã hội tư sản lên hàng những quy luật vĩnh viễn không thay đổi. Đó là vì họ đã tưởng lầm rằng xã hội tư bản là xã hội tự nhiên, không thay đổi, tồn tại mãi, và duy nhất có thể có được. Công lao vĩ đại nhất của Mác và Ăng-ghen là đã chứng minh rằng hình thái kinh tế xã hội tư bản và những quy luật chiếm địa vị thống trị trong hình thái kinh tế xã hội đó có tính chất tạm thời trong lịch sử.

Do chủ nghĩa xã hội thắng lợi ở Liên-xô nên trong lòng xã hội mới, ngoài tác dụng của những quy luật chung cho mọi hình thái, còn có những quy luật và động lực phát triển mới, riêng cho xã hội xã hội chủ nghĩa, cũng được xác lập. Điều đó chứng minh một nguyên lý rất quan trọng của duy vật lịch sử: mỗi hình thái kinh tế xã hội không

những chịu sự chi phối của những quy luật phát triển chung của xã hội, tức là những quy luật có hiệu lực cho toàn bộ lịch sử xã hội, mà còn chịu sự chi phối của những quy luật phát sinh và phát triển riêng biệt mà chỉ có bản thân hình thái đó mới có.

4. — QUY LUẬT LỊCH SỬ VÀ HOẠT ĐỘNG TỰ GIÁC CỦA CON NGƯỜI. TỰ DO VÀ TẤT NHIÊN

Những nhà phê bình của giai cấp tư sản phê bình chủ nghĩa Mác, nói liều rằng: thừa nhận quy luật khách quan, thừa nhận tính tất nhiên lịch sử thì nhất định sẽ đưa đến thuyết định mệnh, đưa đến chỗ phủ nhận hoạt động tự giác của người ta. Những nhà xã hội học tư sản có ý định ngông cuồng « vạch trần » tính chất không triệt để và mâu thuẫn lô-gic nội tại của chủ nghĩa Mác. Những người mác-xít thừa nhận chủ nghĩa xã hội là một tất nhiên lịch sử, và đồng thời tổ chức chính đảng cách mạng xã hội để thực hiện chủ nghĩa xã hội. Kẻ thù của chủ nghĩa Mác nói liều rằng: một là tất nhiên lịch sử, hai là hoạt động cách mạng; trong hai cái, phải chọn một, chứ không thể một lúc theo cả hai được.

Phi-đớc, một nhà xã hội học tư sản Anh, đã lặp lại luận điệu của Stam-le là kẻ theo chủ nghĩa Căng, viết trong quyển « Quan điểm duy vật lịch sử » của hắn như thế này: « Nếu nói rằng chủ

nghĩa xã hội nhất định sẽ ra đời căn cứ theo quy luật, thế thì không cần phải yêu cầu có chủ nghĩa xã hội nữa. Nếu nói chủ nghĩa xã hội thật là một giai đoạn nối tiếp không thể tránh được trong sự tiến hóa của xã hội, thế thì không cần có lý luận xã hội chủ nghĩa, mà lại càng không cần có chính đảng xã hội chủ nghĩa nữa. Không có ai lại thành lập chính đảng để thực hiện mùa xuân và mùa hạ cả.»

Rất dễ hiểu là các nhà phê bình chủ nghĩa Mác cố làm rối vấn đề, cố ý xáo trộn những quá trình khác nhau. Mùa xuân và mùa hạ tới không phải phụ thuộc vào hoạt động của người ta. Thời tiết thay đổi là việc đã có từ trước khi có loài người. Nhưng sự biến lịch sử mà không có người tham gia, không có hoạt động của người ta thì không thể xảy ra được. Tính tất nhiên của lịch sử không phải thực hiện tách rời khỏi hoạt động của người ta, mà chính là thông qua hoạt động của người ta.

Nói rằng sự thay đổi chế độ xã hội, thí dụ sự thay đổi chế độ tư bản, là tất nhiên, như thế có nghĩa là: bản thân điều kiện sinh hoạt của quần chúng tất nhiên thúc đẩy quần chúng và ngày càng thúc đẩy quần chúng đấu tranh mạnh hơn để xây dựng chế độ mới. Trong tiến trình phát triển của xã hội, điều kiện sinh sống vật chất của người ta cũng thay đổi. Sự thay đổi ấy làm cho chế độ xã hội lỗi thời trở thành chế độ không thể chịu đựng nổi. Và khi ấy, trong giai cấp tiên tiến bắt đầu nảy ra ý thức tương đối rõ về sự cần thiết phải

tiêu diệt chế độ cũ và xây dựng chế độ mới, mà chế độ mới lại dựa vào những điều kiện vật chất đã chín muồi đối với nó ngay trong lòng xã hội cũ.

Ý thức cần phải tiêu diệt chế độ tư bản càng được truyền bá sâu rộng trong quần chúng bao nhiêu, cuộc đấu tranh để đem chế độ xã hội mới cao hơn thay cho chế độ tư bản càng mạnh bấy nhiêu, quần chúng càng đoàn kết, và có tổ chức bao nhiêu, thì sự thay đổi ấy càng chóng đến bấy nhiêu.

Thừa nhận tính tất nhiên lịch sử, thừa nhận quy luật phát triển khách quan của xã hội, quyết không thể đưa đến chỗ bó tay chờ đợi (thuyết vô vi), đến chỗ tiêu cực như những nhà phê bình của giai cấp tư sản phê bình duy vật lịch sử đã quả quyết một cách sai lầm. Ngược lại, chính lý luận xã hội của chủ nghĩa Mác, lý luận coi sự phát triển của xã hội là một quá trình có quy luật nghiêm khắc, chính lý luận ấy thức tỉnh tinh thần tích cực lịch sử của giai cấp công nhân, cổ vũ những lực lượng tiến bộ, động viên và tổ chức họ tiến hành hoạt động sáng tạo lịch sử một cách tự giác, đấu tranh tiêu diệt chủ nghĩa tư bản, và xây dựng chủ nghĩa cộng sản trên cơ sở vận dụng một cách tự giác những quy luật đã nhận thức được.

Bất cứ là đối với thuyết ý chí trên hết và chủ nghĩa chủ quan của phái duy tâm hay là đối với chủ nghĩa duy vật tầm thường và thuyết tự phát, chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng đều coi là thù địch. Thuyết ý chí trên hết và chủ nghĩa chủ quan của phái duy tâm trong thực tiễn và trong chính sách

đưa đến chỗ mạo hiểm; còn chủ nghĩa duy vật tầm thường và thuyết tự phát thì làm cho giai cấp công nhân và lực lượng tiên tiến của xã hội rơi vào tình trạng tiêu cực, chờ đợi mọi việc cứ tự nhiên xảy ra như đông qua xuân tới. Chủ nghĩa duy vật tầm thường nhìn tính tất nhiên lịch sử một cách trừu tượng, tách rời nó ra khỏi hoạt động của quần chúng nhân dân, ra khỏi đấu tranh giai cấp, do đó làm cho quần chúng trở thành nô lệ của quy luật khách quan, đưa đến chỗ sùng bái quy luật của lịch sử, đưa đến chỗ tiêu cực. Quan điểm ấy thống nhất với quan điểm của thuyết định mệnh mà nguyên tắc là « cái gì phải xảy ra thì đều không tránh được », thống nhất với quan điểm thần học và quan điểm tôn giáo cho rằng « mọi việc đều do trời định trước ».

Duy vật lịch sử dạy chúng ta: quy luật phát triển của xã hội là khách quan, người ta không thể sáng tạo, xóa bỏ hoặc cải tạo những quy luật ấy, nhưng người ta có thể nhận thức nó, phát hiện nó, tự giác lợi dụng nó để mưu lợi ích cho xã hội, do đó mà nắm được nó, bắt tác động của nó phục tùng mình và khống chế được nó.

Duy vật lịch sử đã chứng minh, và thực tiễn lịch sử cũng đã hoàn toàn chứng thực rằng: mặc dù xã hội loài người rất phức tạp, nhưng có thể nhận thức được; quy luật phát triển của xã hội có thể nhận thức được và hiện đang được nhận thức. Tài liệu của khoa học mác - xít về quy luật phát triển của xã hội là những tri thức đáng tin cậy, có ý nghĩa như những chân lý khách quan. Khoa học

về quy luật phát triển của xã hội, về lịch sử xã hội có thể trở thành và đã trở thành một khoa học chính xác như sinh vật học chẳng hạn. Đảng cộng sản, nắm vững khoa học ấy, có thể lợi dụng và đang lợi dụng một cách thắng lợi quy luật phát triển của xã hội để đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa tư bản và xây dựng xã hội cộng sản, mưu lợi ích cho người lao động.

Khi giai cấp công nhân chưa có Đảng mác-xít lãnh đạo, do đó chưa hiểu biết quy luật phát triển của xã hội, thì phong trào công nhân có tính chất tự phát, thường bị thất bại, chịu ảnh hưởng tư tưởng và chính sách của giai cấp tư sản, mò mẫm trong đêm tối. Nhưng khi giai cấp công nhân được Đảng mác-xít lãnh đạo rồi, khi nó đã hiểu biết quy luật của đấu tranh giai cấp chống chủ nghĩa tư bản rồi, thì tình hình lại khác. Lúc ấy nó có thể đạt đến mục đích, đạt đến chủ nghĩa xã hội bằng con đường gần nhất, và ít hy sinh nhất. Cuộc đấu tranh thắng lợi của giai cấp công nhân Nga, thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô đã chứng minh điểm ấy.

Từ chủ nghĩa tư bản quá độ lên chủ nghĩa xã hội tức là đã thực hiện bước nhảy vọt từ thế giới tất nhiên mù quáng sang thế giới tự do. Những điểm đó không nên hiểu là dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, có thể «xóa bỏ» được quy luật, tính tất nhiên lịch sử. Không phải thế, không thể xóa bỏ được. Lúc nào nó cũng tác động và quyết định sự phát triển. Nhưng trước khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi, thì tác động của quy luật xã hội chủ yếu

là mù quáng, tự phát, và thường thường có sức phá hoại. Còn dưới chế độ xã hội chủ nghĩa thì quy luật phát triển của xã hội được người ta lợi dụng một cách tự giác.

Khi người ta chưa nhận thức được tính tất nhiên thì nó là mù quáng. Tự do là tất nhiên đã được nhận thức, là khả năng bắt tác động của tất nhiên phục tùng mục đích của loài người. Ăng-ghen đã viết: «Tự do không phải là ở sự độc lập trong tưởng tượng đối với quy luật của tự nhiên, mà là ở chỗ nhận thức được những quy luật ấy và ở chỗ có khả năng căn cứ vào sự hiểu biết ấy để có kế hoạch bắt quy luật tự nhiên phục vụ cho một mục đích nhất định.» (1) Bất cứ quy luật của giới tự nhiên hay quy luật phát triển của xã hội cũng đều như thế cả.

«Giống như lực lượng tự nhiên, lực lượng xã hội, khi chưa được chúng ta nhận thức, và coi trọng thì có tác dụng mù quáng, cưỡng bức và phá hoại. Nhưng một khi chúng ta đã nhận thức được nó, nghiên cứu được tác động, phương hướng và ảnh hưởng của nó, thì lúc đó hoàn toàn tùy ở chúng ta buộc nó phục tùng ý muốn của chúng ta càng ngày càng nhiều hơn, và lợi dụng nó để đạt đến mục đích của chúng ta. Và điều đó đặc biệt đúng đối với sức sản xuất mạnh mẽ ngày nay... Một khi hiểu được bản tính của sức sản xuất ấy thì trong tay những người sản xuất tập thể, từ chỗ là kẻ thống trị như ma quỷ nó có thể biến thành

---

(1) Ăng-ghen: «Chống Đu-rinh».

những người phục vụ ngoan ngoãn. Sự phân biệt nói trên cũng giống như sự phân biệt giữa sức điện có tính chất phá hoại của sấm sét trong lúc mưa gió, với sức điện được dùng trong máy nói hay trong bóng đèn, và cũng như sự phân biệt giữa lửa trong đám cháy và lửa người ta dùng hàng ngày.» (1)

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, sự phát triển của sản xuất và của cả xã hội không còn mang tính chất tự phát nữa. Nền sản xuất xã hội và toàn bộ xã hội xã hội chủ nghĩa đều phát triển dưới sự chỉ đạo của kế hoạch có tính chất toàn quốc và của chính sách có căn cứ khoa học của Đảng cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Kế hoạch kinh tế quốc dân của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và chính sách của Đảng cộng sản dựa vào những quy luật phát triển khách quan của xã hội đã nhận thức được, trước hết là dựa vào những quy luật kinh tế.

Do đó thấy rằng: xã hội xã hội chủ nghĩa cũng bị quy luật khách quan chi phối. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, thế hệ mới khi ra đời cũng thấy những sức sản xuất và quan hệ sản xuất sẵn có, không phải do họ tạo ra. Muốn có khả năng phát triển những sức sản xuất ấy thêm nữa, mỗi thế hệ mới đều phải lấy những thứ mà người đời trước sáng tạo ra làm xuất phát điểm. Mỗi một bước phát triển mới của xã hội xã hội chủ nghĩa đều do trình độ sản xuất xã hội chủ nghĩa và trình độ năng suất lao động đã đạt được quyết định. Xã

---

(1) Ăng-ghen: «Chống Đu-rinh».

hội xã hội chủ nghĩa không thể theo ý muốn và nguyện vọng của người ta mà nhảy ngay từ giai đoạn thứ nhất của chủ nghĩa cộng sản lên giai đoạn thứ hai được. Nói đến cùng, sự phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa và bước quá độ dần dần lên chủ nghĩa cộng sản nghĩa là do sức sản xuất được nâng cao và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phát triển trên cơ sở đó quyết định. Nhưng nền sản xuất xã hội chủ nghĩa phát triển không phải tự phát nữa, mà do sự hoạt động tự giác của xã hội điều khiển, trên cơ sở những quy luật kinh tế khách quan đã nhận thức được.

Trong lịch sử xã hội, hoạt động tự giác của người ta, tư tưởng tiên tiến, chế độ chính trị xưa nay chưa bao giờ có tác dụng to lớn, quyết định, động viên, tổ chức và cải tạo như trong điều kiện của xã hội xã hội chủ nghĩa. Đảm bảo cho bước quá độ dần dần từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản là lao động sáng tạo của quần chúng nhân dân, là hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và của Đảng cộng sản, là những chính sách của Nhà nước và của Đảng, dựa vào sự hiểu biết khoa học về quy luật phát triển khách quan của xã hội và quy luật xây dựng chủ nghĩa cộng sản, dựa vào sự vận dụng những quy luật đó một cách tự giác và khéo léo.

Thực tiễn là tiêu chuẩn đúng đắn duy nhất để xét tính chất chân lý của lý luận. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại thắng lợi, chủ nghĩa xã hội được xây dựng ở Liên-xô, chế độ dân chủ nhân dân được xây dựng và củng cố ở nhiều

nước Trung Âu, Đông Nam Âu, và châu Á, đó là những thắng lợi vĩ đại nhất và những bằng chứng thực tế chứng thực chủ nghĩa duy vật lịch sử và toàn bộ chủ nghĩa Mác. Đồng thời sự phát triển của xã hội hiện đại lại là cơ sở để phát triển một cách sáng tạo chủ nghĩa duy vật lịch sử và toàn bộ lý luận chủ nghĩa Mác thêm một bước.

5. — ĐẢNG TÍNH VÀ TÍNH SÁNG TẠO CỦA DUY VẬT LỊCH SỬ

Các nhà xã hội học tư sản cố sức rêu rao cái mà chúng gọi là chủ nghĩa khách quan, rêu rao «tính chất siêu giai cấp», «tính chất ở trên mọi đảng phái» của khoa học. Chúng không dám công khai thừa nhận đảng tính tư sản trong «khoa học» của chúng, vì như thế tức là công khai thừa nhận rằng lý luận của chúng phục vụ cho số ít những kẻ bóc lột trong xã hội chống lại số đông những người lao động. Nhưng thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô, thành tích kiến thiết chủ nghĩa xã hội của các nước dân chủ nhân dân châu Âu, thắng lợi của cách mạng nhân dân Trung-quốc, mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ở các nước tư bản, giữa phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc, buộc các nhà xã hội học tư sản và bọn cầm đầu đảng xã hội cánh hữu đành phải công khai bênh vực chủ nghĩa tư bản, chống lại chủ nghĩa xã hội. Do đó, những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản, kể cả bọn cầm đầu đảng xã hội cánh hữu, đã bộc lộ rõ «chủ nghĩa khách quan» của chúng, và trên thực tế đã chứng

tỏ rằng chúng không thể bước một bước mà không chú ý đến lợi ích của giai cấp tư sản và của chủ nghĩa tư bản.

Từ trước đến nay, Mác, Ăng-ghen, Lê-nin và Sta-lin đều không hề che giấu ai đảng tính của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Ngay từ đầu, các vị đã sáng lập và phát triển duy vật lịch sử thành một khoa học có đảng tính sâu sắc làm cơ sở lý luận cho chủ nghĩa cộng sản, làm vũ khí lý luận của giai cấp công nhân và của Đảng cộng sản. Mác, Ăng-ghen, Lê-nin và những người kế tục vĩ đại sự nghiệp của Lê-nin là Sta-lin và Đảng cộng sản Liên-xô bao giờ cũng đấu tranh kiên quyết không điều hòa chống mọi kẻ thù của chủ nghĩa Mác, chống mọi hành vi rời bỏ duy vật lịch sử để đi về phía chủ nghĩa duy tâm hoặc chủ nghĩa duy vật tầm thường, dù chỉ là hành vi rất nhỏ. Đằng sau những lời lẽ gian dối ngụy biện, công thức của kẻ thù chủ nghĩa Mác, các Người đã nhìn thấy rõ cuộc đấu tranh của các phe phái trong triết học, quy cho đến cùng tức là cuộc đấu tranh biểu hiện khuynh hướng, tư tưởng và lợi ích của các giai cấp đối địch trong xã hội. Lê-nin viết: « Triết học hiện đại cũng như triết học 2.000 năm trước đây, đều có đảng tính. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, về thực chất vẫn là những đảng phái đấu tranh với nhau, mặc dầu bọn hợm chữ và bọn bịp bợm dùng những chiêu bài mới hoặc đội lốt trung lập vớ vẩn để che đậy. » (1)

---

(1) Lê-nin: « Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán ».

Tiến trình phát triển của lịch sử mâu thuẫn với lợi ích căn bản của giai cấp tư sản hiện đại. Giai cấp tư sản và các nhà tư tưởng của nó ngày càng hiểu rõ điều đó, cho nên vì lợi ích ích kỷ của chúng, để chống đỡ cho chủ nghĩa tư bản đang sụp đổ, chúng đang trơ tráo xuyên tạc hiện thực, bịa đặt ra sự thật. Đảng tính tư sản dẫn đến độc đoán, chủ quan trong khoa học lịch sử và xã hội học, đưa đến chỗ xuyên tạc sự thật và rời bỏ khoa học.

Ngược lại, đảng tính của giai cấp vô sản, tư tưởng tính của chủ nghĩa cộng sản lại làm cho người ta nhận thức được hiện thực, nhận thức được quy luật của sinh hoạt xã hội một cách sâu sắc nhất, khách quan nhất, công bằng nhất và toàn diện nhất. Lợi ích của giai cấp công nhân phù hợp với tiến trình phát triển khách quan của lịch sử, giai cấp công nhân là giai cấp cách mạng triệt để, vì thế chỉ có giai cấp công nhân mới quan tâm đến sự nhận thức một cách khách quan tức là sự nhận thức hợp với chân lý. Do đó chúng ta thấy rằng tính khoa học chân chính và đảng tính của chủ nghĩa cộng sản thống nhất với nhau.

Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Sta-lin bao giờ cũng bảo vệ chủ nghĩa duy vật triệt để, vì chỉ có chủ nghĩa duy vật triệt để mới có thể cho ta những nhận thức hợp với chân lý, đúng đắn và sâu sắc nhất về giới tự nhiên cũng như về sinh hoạt xã hội và lịch sử xã hội. Đối chiếu chủ nghĩa duy vật của Mác với chủ nghĩa khách quan tư sản của Sto-ru-vê, Lê-nin viết:

« Người theo chủ nghĩa khách quan chỉ nói đến tính tất nhiên của một quá trình lịch sử nào đó. Người theo chủ nghĩa duy vật thì quan sát một cách đúng đắn một hình thái kinh tế xã hội nào đó và những quan hệ đối kháng do nó đẻ ra. Người theo chủ nghĩa khách quan, khi chứng minh tính tất nhiên của những sự việc nào đó bao giờ cũng dễ lạc vào quan điểm bênh vực cho sự việc đó ; người theo chủ nghĩa duy vật thì vạch trần mâu thuẫn giai cấp, và dựa vào đó mà quyết định quan điểm của mình. Người theo chủ nghĩa khách quan bàn đến « những xu hướng lịch sử không gì chống cự nổi » ; người theo chủ nghĩa duy vật thì bàn đến giai cấp « quản lý » một chế độ kinh tế nào đó và gây nên hình thức phản kháng nào đó của các giai cấp khác. Do đó chúng ta thấy : một mặt người theo chủ nghĩa duy vật triệt để hơn người theo chủ nghĩa khách quan, họ thực hiện chủ nghĩa khách quan của mình triệt để hơn, sâu sắc hơn và đầy đủ hơn. Họ không phải chỉ bo bo trong phạm vi vạch ra tính tất nhiên của quá trình, mà còn nói rõ hình thái kinh tế xã hội nào đem lại nội dung cho quá trình ấy, nói rõ chính *giai cấp nào* quyết định tính tất nhiên ấy... Mặt khác, bản thân chủ nghĩa duy vật bao hàm đảng tính, nó đòi hỏi là bất cứ khi nào đánh giá sự việc cũng phải thẳng thắn và công khai đứng trên quan điểm của một tập đoàn xã hội nhất định. » (1)

---

(1) « Lê-nin toàn tập... »

Trong điều kiện hiện nay, khi thế giới đã chia làm hai phe, phe hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa do Liên-xô đứng đầu và phe đế quốc phản động, phát xít và gây chiến do Mỹ cầm đầu, thì đảng tính của giai cấp vô sản, của chủ nghĩa cộng sản và lợi ích của khoa học chân chính đòi hỏi người nào nghiên cứu các hiện tượng xã hội thì phải xét nó theo quan điểm của người lao động đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa cộng sản.

Duy vật lịch sử đem lại cho các chính đảng mác-xít khả năng lột hết các mặt nạ của kẻ thù của giai cấp công nhân, kẻ thù của hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, và bóc trần quyền lợi ích kỷ, mục đích ích kỷ của giai cấp tư sản che giấu sau những danh từ giả dối và những lời bàn tán lòng bông về « xã hội học » giả danh khoa học.

Khoa học thống nhất với hoạt động thực tiễn, lý luận liên hệ với thực tiễn là kim chỉ nam của mọi đảng mác-xít. Đó là điểm làm cho chính đảng mác-xít vượt xa hẳn những kẻ thù địch. Khoa học chủ nghĩa Mác — Lê-nin về quy luật phát triển của xã hội tức là duy vật lịch sử, làm cho người ta không những nhìn thấy được sự việc xảy ra ngày hôm nay, mà còn nhìn thấy được sự việc sẽ xảy ra ngày mai, dự kiến được tiến trình và chiều hướng phát triển của sự việc một cách khoa học, và trên cơ sở đó hoạt động được thuận lợi và có kết quả.

Nhờ có khoa học xã hội của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, Đảng cộng sản tin tưởng lao động chiến

thắng tư bản, nhìn rõ tiền đồ sáng sủa, tìm thấy vũ khí lý luận cho cuộc đấu tranh giải phóng những người lao động thoát khỏi mọi bóc lột và áp bức, giành thắng lợi cho chủ nghĩa cộng sản.

Sự vĩ đại của các phát minh khoa học của Mác, Ăng - ghen, Lê - nin, Sta-lin, sự vĩ đại của chính đảng mác-xít lấy duy vật lịch sử làm kim chỉ nam là ở chỗ nó đã thức tỉnh, giáo dục, tổ chức và động viên một lực lượng lịch sử mới to lớn là giai cấp công nhân, đội quân tiền phong của hết thảy những người lao động và bị áp bức, giai cấp ấy có sứ mệnh lãnh đạo lật đổ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới. Giai cấp vô sản cách mạng liên minh với nông dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản võ trang bằng chủ nghĩa Mác, đã giành được thắng lợi ở Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân.

Duy vật lịch sử cũng như toàn bộ chủ nghĩa Mác là *lý luận khoa học và phương pháp* của nhận thức khoa học và của hành động cách mạng. Lý luận và phương pháp khoa học không thể không thay đổi, phát triển, không thể không phong phú thêm bằng những phát hiện, khái quát và kết luận mới do hoàn cảnh mới và điều kiện sinh hoạt xã hội mới mà có, mà những điều kiện này thì tất nhiên nảy ra trong quá trình phát triển không ngừng của xã hội. Khoa học chủ nghĩa Mác phát triển không ngừng. Tính sáng tạo của chủ nghĩa Mác, nhất là của duy vật lịch sử, biểu hiện trong sự phát triển và sự phong phú ấy.

Cứ mỗi lần có một phát minh đánh dấu một thời đại ngay cả trong lĩnh vực lịch sử tự nhiên (chứ đừng nói đến lịch sử loài người) thì chủ nghĩa duy vật triết học lại mang một hình thức mới, duy vật lịch sử cũng thế, không phải là cứ một mực không thay đổi, nó phát triển luôn và được những kinh nghiệm mới trong cuộc đấu tranh giai cấp và công cuộc kiến thiết chủ nghĩa cộng sản làm cho phong phú thêm. Nghị quyết của Đảng cộng sản Liên-xô và những tác phẩm thiên tài của Lê-nin — Sta-lin đã phản ánh và khái quát một cách khoa học những sự kiện lớn lao hiện đại có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới và những quy luật mới trong sự phát triển của xã hội. Những điều khái quát ấy đánh dấu một giai đoạn mới, cao hơn trong sự phát triển của chủ nghĩa Mác trong đó có cả duy vật lịch sử.

Muốn đánh giá đầy đủ vai trò vĩ đại của Lê-nin trong việc phát triển duy vật lịch sử, cần phải chú ý đến một điều là: giữa thời đại Mác — Ăng-ghen và thời đại Lê-nin có một thời kỳ Đệ nhị quốc tế chiếm địa vị thống trị trong phong trào công nhân, tức là thời kỳ chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cơ hội.

Vào khoảng những năm 90 thế kỷ XIX, trong phong trào công nhân, chủ nghĩa Mác đã giành được thắng lợi có tính chất quyết định đối với các loại lý luận xã hội chủ nghĩa trước Mác cũng như đối với các phái duy tâm nhiều hình nhiều vẻ trong triết học, trong xã hội học và trong sử học. Từ đó về sau, cả đến kẻ thù của giai cấp

công nhân cũng bắt đầu lợi dụng chủ nghĩa Mác, dùng những lời lẽ của chủ nghĩa Mác để lừa gạt và ngụy trang, đồng thời lại cắt xén những điều chủ yếu trong chủ nghĩa Mác, tức là học thuyết về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản. Cái gọi là *chủ nghĩa xã hội diễn đàn* (bọn Zôm-ba-tơ ở Đức, bọn Stơ-ru-vê, Bun-ga-cốp và những bọn « chủ nghĩa Mác hợp pháp » khác ở Nga) là biểu hiện của thứ bệnh lưu hành ấy trong những phần tử trí thức tư sản. Phái học giả tư sản này, tuy ngoài miệng thì thừa nhận quan điểm lịch sử xã hội và học thuyết kinh tế của Mác, nhưng trên căn bản thì lại xuyên tạc những quan điểm đó, làm cho chủ nghĩa Mác thích ứng với khẩu vị và yêu cầu của giai cấp tư sản. Theo quan điểm của bọn chủ nghĩa xã hội diễn đàn thì sự phát triển của xã hội là một quá trình thay đổi hình thức chính trị này bằng hình thức chính trị khác một cách trôi chảy, tiến hóa và tự phát. Đấu tranh giai cấp và tính sáng tạo cách mạng của quần chúng bị chúng gạt bỏ ra khỏi quá trình lịch sử, coi đó là những hiện tượng « không bình thường », « không lành mạnh », « không hợp quy luật ». Quan điểm của bọn chủ nghĩa xã hội diễn đàn đầy rẫy tinh thần của thuyết số mệnh và của chủ nghĩa khách quan tư sản.

Chủ nghĩa Béc-stanh ở Đức, « chủ nghĩa kinh tế » và chủ nghĩa men-sơ-vích ở Nga đều là những phái xét lại chủ nghĩa Mác, và thù hằn chủ nghĩa Mác, đều phản ánh ảnh hưởng của giai cấp tư sản trong phong trào công nhân. Bọn chủ trương xét

lại chủ nghĩa Mác ở Đức, ở Nga và các nước khác đều phản đối cơ sở triết học — khoa học của chủ nghĩa Mác tức là duy vật biện chứng, và cơ sở lịch sử — khoa học của chủ nghĩa Mác tức là duy vật lịch sử. Những kẻ thù ấy của chủ nghĩa Mác miệt thị biện chứng pháp của Mác, nói đó là của Hê-ghen, và tách lý luận xã hội của Mác ra khỏi cơ sở triết học của nó là duy vật biện chứng. Cuộc đấu tranh của bọn « xét lại » chống biện chứng pháp duy vật đồng thời là cuộc đấu tranh chống thực chất cách mạng của lý luận xã hội của Mác.

Béc-stanh đã đưa ra một khẩu hiệu thối nát nổi tiếng như sau : « Vận động là tất cả, mục đích là con số không » ; theo đuôi Béc-stanh, phái xét lại chủ nghĩa Mác ở Đức và ở Nga tuyên truyền *thuyết tự phát* của phong trào công nhân. Bọn cơ hội chủ nghĩa không phát triển hoạt động cách mạng, tự giác của quần chúng vô sản tức là của những người tích cực sáng tạo ra lịch sử dưới sự lãnh đạo của đội tiền phong của mình là đảng mác-xít, mà lại tuyên truyền vứt bỏ lý luận cách mạng, phủ nhận vai trò cách mạng của đảng, vứt bỏ nhiệm vụ lãnh đạo một cách có ý thức phong trào công nhân đi tới mục đích cuối cùng, vứt bỏ cuộc đấu tranh giành chuyên chính vô sản, giành chủ nghĩa xã hội.

Vừa đúng vào thời đại mà chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa đế quốc và đi xuống dốc, vừa đúng vào thời đại mà cách mạng vô sản trở thành một đòi hỏi trước mắt, và vừa đúng vào thời đại mà muốn lật đổ chủ nghĩa tư bản, giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội thì phải dựa vào

tính tự giác, tính tổ chức, tinh thần đoàn kết và tích cực cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản, vừa đúng lúc đó thì chúng lại xuyên tạc chủ nghĩa Mác như thế nhằm mục đích tước bỏ võ trang của giai cấp vô sản và của chính đảng của nó, làm cho giai cấp vô sản và đảng của nó lạc mất phương hướng.

Cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, giai cấp công nhân Nga đứng trước những nhiệm vụ có tính chất cách mạng nhất. Cho nên nhiệm vụ làm sáng tỏ và phát triển hơn nữa lý luận cách mạng, nhất là duy vật lịch sử, trước hết đặt lên vai những người mác-xít Nga đứng đầu là Lê-nin. Cho nên nước Nga trở thành quê hương của chủ nghĩa Lê-nin tức là chủ nghĩa Mác trong thời đại chủ nghĩa đế quốc và cách mạng vô sản.

Trong cuộc đấu tranh cho lý luận, chiến lược và sách lược cách mạng của giai cấp công nhân, những người mác-xít Nga do Lê-nin đứng đầu đã phải tiến hành cuộc đấu tranh quyết liệt về lý luận với những trào lưu tư tưởng thù địch chủ nghĩa Mác. Cuộc đấu tranh ấy phải tiến hành trên hai mặt trận: một là chống bệnh chủ quan của bọn dân túy, bọn xã hội cách mạng, bọn vô chính phủ, bọn tờ-rốt-kít và bọn triệu hồi cùng với thuyết duy ý chí trong lý luận và bệnh mạo hiểm trong chính sách của chúng; hai là chống thuyết tự phát trong phong trào công nhân của bọn cơ hội, chống tư tưởng sai lầm cho rằng chủ nghĩa tư bản có thể phát triển một cách hòa bình thành chủ nghĩa xã hội và chống thuyết buông

trôi, hạ thấp ý nghĩa của những hoạt động cách mạng cải tạo, hoạt động sáng tạo và tự giác của Đảng cộng sản và của quần chúng công nhân.

Trong cuộc đấu tranh chống các lý luận có tính chất chủ quan và duy ý chí của giai cấp tư sản và của giai cấp tiểu tư sản, Lê-nin đã dựa vào những tài liệu mới, dựa vào sự thật và sự kiện lịch sử mới hiện nay để bảo vệ và phát triển những nguyên lý cơ bản của duy vật lịch sử; nguyên lý về tính khách quan của quy luật phát triển của xã hội; nguyên lý về việc sáng suốt đánh giá điều kiện khách quan và tương quan lực lượng của các giai cấp trong mỗi giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp; nguyên lý về việc đánh giá điều kiện sinh hoạt vật chất hiện thực tức là lực lượng quyết định sự phát triển của xã hội. Trong khi đấu tranh với thuyết tự phát của « phái kinh tế », của phái men-sơ-vích và của những bọn cơ hội chủ nghĩa khác, Lê-nin bảo vệ cơ sở triết học duy vật biện chứng của lý luận xã hội của Mác, đồng thời chú ý làm sáng tỏ và phát triển một số vấn đề trong duy vật biện chứng như: chứng minh một cách toàn diện ý nghĩa của hoạt động cách mạng và của tính sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân, nói rõ tác dụng của nhân tố chủ quan trong lịch sử, tác dụng của tính tổ chức và tính tự giác xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản, tác dụng của tư tưởng tiên tiến, nhất là của lý luận chủ nghĩa Mác, tác dụng của chế độ chính trị tiên tiến và của các chế độ xã hội khác trong sự phát triển của xã hội, nhất là tác

dụng rất vĩ đại của chính đảng vô sản theo chủ nghĩa Mác và của Nhà nước vô sản. Trong bài «phản đối tẩy chay» nói về tính chất tốt đẹp, sức sống và sức mạnh của duy vật lịch sử, Lê-nin đã viết:

«Chủ nghĩa Mác khác với hết thảy mọi lý luận xã hội chủ nghĩa khác ở chỗ nó kết hợp tài tình hai điểm như sau: một mặt phân tích tình hình khách quan của sự vật và tiến trình tiến hóa khách quan bằng thái độ sáng suốt hết sức khoa học, một mặt thừa nhận một cách hết sức kiên quyết ý nghĩa của nghị lực cách mạng, của tinh thần sáng tạo cách mạng và của tính chủ động cách mạng của quần chúng, và dĩ nhiên của cả những nhân vật cá biệt, tập đoàn, tổ chức và chính đảng nào biết bắt mối và xây dựng liên hệ với các giai cấp này hay giai cấp nọ nữa.»

Lê-nin đã tổng kết kinh nghiệm lịch sử mới, kinh nghiệm của phong trào công nhân quốc tế trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, trước hết là kinh nghiệm hết sức phong phú và có ý nghĩa lịch sử quốc tế của giai cấp công nhân Nga và của Đảng cộng sản Liên-xô, do đó mà làm cho duy vật lịch sử thêm phong phú một cách sáng tạo, phát triển nó và đưa nó lên một giai đoạn mới, cao hơn. Lê-nin đã vạch ra quy luật phát triển mới của chủ nghĩa tư bản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, và trên cơ sở đó đã sáng lập và chứng minh toàn diện lý luận mới về cách mạng xã hội chủ nghĩa: học thuyết về sự chuyển biến của cách mạng dân chủ tư sản thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, học

thuyết về quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng, học thuyết về bạn đồng minh của giai cấp vô sản, học thuyết về khả năng thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trước tiên ở một nước riêng rẽ. Những tác phẩm thiên tài của Lê-nin và của Stalin, người học trò và người thừa kế vĩ đại sự nghiệp của Lê-nin, đã phát triển duy vật lịch sử một cách toàn diện và một cách có liên hệ chặt chẽ với nhiệm vụ của giai cấp công nhân trong thời đại chủ nghĩa đế quốc và cách mạng vô sản, trong thời đại chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi trên 1/6 thế giới. Những tác phẩm ấy đã làm sáng tỏ và xây dựng lý luận về sự phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa xô viết, vạch rõ quy luật và động lực phát triển của xã hội ấy, vạch rõ quy luật và điều kiện để bước dần từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản. Trong những tác phẩm của Lê-nin, Stalin và những người bạn chiến đấu của Lê-nin, Stalin, không có một vấn đề nào về duy vật lịch sử mà lại không được xây dựng và phát triển thêm một bước.

Duy vật lịch sử đã có hơn một trăm năm lịch sử. Nó đã được thử thách trong lò lửa đấu tranh giai cấp vĩ đại, trong cuộc đấu tranh giành hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của những người lao động. Trước kia và hiện nay, duy vật lịch sử vẫn là vũ khí lý luận sắc bén của các đảng mác-xít lãnh đạo những người lao động và quần chúng bị áp bức bóc lột đấu tranh chống đế quốc. Đảng cộng sản Liên-xô và Trung ương Đảng dựa vào lý luận duy vật lịch sử, đang lãnh đạo việc giải quyết

một cách thắng lợi nhiệm vụ vĩ đại mà nhân dân Liên-xô đang tiến hành xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Duy vật lịch sử chứng minh một cách khoa học rằng hiện nay tất cả mọi con đường của nhân loại đều dẫn đến chủ nghĩa cộng sản.

6. – SỰ PHÁ SẢN CỦA XÃ HỘI HỌC TƯ SẢN

Mác viết: khi mà cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản đã mang những hình thức ủy hiếp chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản « thì nó cũng đánh hồi chuông báo tử của kinh tế học tư sản. Từ nay về sau, vấn đề không phải là ở chỗ một định lý nào đó đúng hay không đúng, mà là ở chỗ định lý ấy có lợi hay có hại, tiện lợi hay không tiện lợi cho tư bản, có phù hợp với luật lệ cảnh sát hay không. Việc nghiên cứu không tính toán hơn thiệt đã nhường chỗ cho cuộc luận chiến của những văn nhân làm thuê, những cuộc nghiên cứu khoa học không thiên vị đã bị thay thế bởi những lời biện hộ nịnh hót thiên vị » (1).

Lời bình luận đó có thể hoàn toàn thích hợp với toàn bộ xã hội học tư sản hiện đại. Tất cả các nhà xã hội học tư sản hiện đại, kể cả bọn xã hội học trong mặt trận bọn xã hội cánh hữu, đều là những kẻ ngụy biện và những kẻ nói xấu vô liêm sỉ, đều là đày tớ của giai cấp tư bản, là kẻ thù hung ác nhất của giai cấp công nhân, kẻ thù của chủ nghĩa xã hội.

---

(1) Mác: « Tư bản ».

Mục đích và nội dung chủ yếu của các lý luận xã hội học tư sản hiện đại là bênh vực cho chủ nghĩa tư bản và chính sách đế quốc của giai cấp tư sản, là chống lại giai cấp công nhân cách mạng và những lực lượng tiên tiến khác ngày nay, chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân. Ý nghĩa chính trị và ý nghĩa lý luận chủ yếu của tất cả những tác phẩm «xã hội học» của các «học giả» tư sản quy thành điểm như sau: phủ nhận rằng sự phát triển tiến lên của xã hội là quy luật của lịch sử, cố sức chứng minh rằng chủ nghĩa tư bản tồn tại mãi mãi, không bao giờ bị lay chuyển, bênh vực những tội ác tầy trời của chủ nghĩa tư bản là chiến tranh đế quốc và áp bức thuộc địa, tuyên truyền tư tưởng hằn thù nhân loại, tư tưởng dân tộc độc tôn, chủng tộc độc tôn, tuyên truyền chủ nghĩa thần bí và những chủ nghĩa ngu dân khác, bênh vực cho những hành động dã man phát xít và những tội ác khác của bọn đế quốc phản động.

Nhiều học thuyết *chủ nghĩa chủng tộc* và *chủ nghĩa Man-tuýt mới* bênh vực bằng «lý luận» cho sự áp bức dân tộc thuộc địa và «tìm căn cứ» cho sự áp bức ấy, đó là những thí dụ về sự bênh vực cho tội ác của đế quốc một cách trâng tráo nhất.

Toàn bộ chế độ tư bản, đặc biệt là chế độ tư bản độc quyền tức là chủ nghĩa đế quốc, xây dựng trên sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, trên sự áp bức dân tộc. Hệ thống tư tưởng của giai cấp tư sản chiếm địa vị thống trị trong xã hội tư bản đầy rẫy tư tưởng dân tộc độc tôn và chủng tộc độc tôn.

Bọn xã hội học tư sản phản động theo chủ nghĩa chủng tộc như Li-a-pu-giơ, Gô-bi-nô, Lơ-tua-rơ-nô, Sam-béc-lanh, Am-môn Vôn-tơ-man, Gum-pơ-lô-vích, v.v... hồi nửa cuối thế kỷ XIX và cả một lũ nối nghiệp chúng hiện nay ở Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Nhật đều một mực cố sức chứng minh rằng các dân tộc trên thế giới chia ra giống người «cao đẳng» và giống người «hạ đẳng». Bọn tín đồ của chủ nghĩa chủng tộc quả quyết rằng thìa khóa để tìm hiểu vận mệnh lịch sử của các dân tộc, phải tìm ở đặc tính «nhân chủng» của các bộ tộc và dân tộc.

Tại sao mức phát triển kinh tế kỹ thuật của nhiều dân tộc ở châu Á và châu Phi lại thấp hơn mức phát triển kinh tế kỹ thuật của các dân tộc ở châu Âu và Bắc Mỹ? Bọn chủng tộc chủ nghĩa lấy đặc điểm nhân chủng của dân tộc này hay dân tộc nọ để giải thích điểm đó. Theo lời chúng thì có một số dân tộc không có đủ năng lực để phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa độc lập, cho nên các dân tộc đó sinh ra là số trời đã định sẵn họ phải làm nô lệ ở thuộc địa. Một số dân tộc khác thì vì họ sẵn có những đặc tính nhân chủng nào đó nên được chiếm địa vị thống trị. Bọn phát xít Đức cho rằng dân tộc Đức, giai cấp tư sản Đức trời sinh ra là đáng làm bá chủ toàn thế giới. Bọn chủ nghĩa chủng tộc ở các nước Ăng-gơ-lô Xắc-xông (Anh và Mỹ) lại cho rằng: Chính giai cấp tư sản ở những dân tộc nói tiếng Anh có sứ mệnh thống trị thế giới.

Những kẻ theo chủ nghĩa chủng tộc đưa ra «đấu tranh chủng tộc» để thay cho đấu tranh giai

cấp, tức là động lực thúc đẩy lịch sử xã hội có giai cấp. «Đấu tranh để sinh tồn» giữa các chủng tộc khác nhau, chiến tranh một mất một còn, đó là quy luật vĩnh viễn mà những kẻ theo chủ nghĩa chủng tộc nêu ra.

Chủ nghĩa Mác—Lê-nin đã đập tan từ lâu luận điệu nói láo ấy của bọn xã hội học tư sản phản động. Lịch sử cho chúng ta biết rằng những dân tộc mà bọn theo chủ nghĩa chủng tộc liệt vào giống người «hạ đẳng» (như dân tộc Trung-quốc và Ấn-độ) chính là những dân tộc đã sáng tạo ra một nền văn hóa tiên tiến ngay khi tổ tiên người Anh, người Mỹ, người Đức, người Pháp và người Nhật còn đang sống trong trạng thái dã man.

Ngày nay các dân tộc thuộc địa sở dĩ lạc hậu không phải vì nguyên nhân sinh vật học, không phải vì «nhân chủng thấp kém» như bọn đế quốc bịa đặt ra, mà là do đế quốc áp bức và quan hệ phong kiến, quan hệ tư bản thống trị. Nhân dân Trung-quốc vĩ đại, sau khi thoát khỏi ách áp bức của phong kiến và đế quốc nước ngoài, sau khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân, đã bắt đầu phát triển nhanh chóng nền kinh tế và văn hóa tiên tiến của mình. Hiện nay nhân dân Trung-quốc đang có những kỳ công sáng tạo lịch sử về những hình thức sinh hoạt xã hội mới. Nhiều dân tộc ở Nga như người A-cu-ti, người Bô-rốt, người Ca-dắc, người Ba-sư-kia, người Tát-gíc và một số bộ tộc nhỏ ở miền Bắc, dưới chế độ Nga hoàng, không những bị áp bức, mà còn sa vào cảnh tuyệt chủng. Nhưng dưới điều kiện xã hội chủ nghĩa, những

dân tộc ấy lại đang sống trong cảnh phồn thịnh chưa từng có trong lịch sử của họ. Tất cả những cái đó là những chứng cớ đanh thép bác bỏ lý luận chủng tộc phản động.

Thuyết dân tộc độc tôn và chủng tộc độc tôn là phản khoa học và hết sức phản động. Đó là những thứ đánh cắp ở kho tàng của các nhà tư tưởng của xã hội nô lệ xưa kia, và được lôi ra để bênh vực cho ách áp bức giai cấp trong nội bộ các nước tư bản, bênh vực cho chính sách áp bức dân tộc thuộc địa và xâm chiếm bằng quân sự của đế quốc, cũng như nó đã được dùng để bênh vực cho chế độ nô lệ trong thời đại xã hội nô lệ.

Lý luận *chủ nghĩa Man-tuýt mới* cực kỳ phản động là một thứ lý luận rất lưu hành trong giai cấp tư sản. Tên cố đạo Man-tuýt, một nhà kinh tế học phản động ở Anh, là người sáng lập ra lý luận ấy. Hắn quả quyết rằng: nguồn gốc đẻ ra thất nghiệp và làm cho quần chúng nghèo khổ không phải là vì chế độ tư bản mà là vì nhân khẩu tăng quá nhiều. Man-tuýt đưa ra một «quy luật», nói là nhân khẩu tăng theo cấp số hình học, mà tư liệu sinh hoạt thì lại tăng theo cấp số toán học. Man-tuýt đã mạo xưng «quy luật» do hắn bịa đặt ra để bào chữa cho chủ nghĩa tư bản là quy luật tự nhiên.

Mác đã phê phán lý luận đê hèn ấy của Man-tuýt trong quyển «Tư bản», và chứng minh rằng: 1) không có một định luật sinh vật học nào về tăng nhân khẩu như thế; 2) sức sản xuất và sự sản xuất ra tư liệu sinh hoạt tăng nhanh hơn nhân

khẩu, vượt quá mức tăng của nhân khẩu, nhưng vì bản chất đối kháng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nên của cải sản xuất ra đều bị những kẻ không lao động, không sản xuất vơ vét làm của riêng, còn những người lao động, những người sản xuất ra mọi tư liệu sinh hoạt thì lại sa vào cảnh nghèo đói bần cùng.

Lý luận chủ nghĩa Man-tuýt đã bị Mác vạch trần từ lâu, hiện nay lại được các nhà kinh tế học và xã hội học phản động thổi phồng lên để bào chữa cho những mâu thuẫn và ung nhọt của chủ nghĩa tư bản. Những kẻ theo chủ nghĩa Man-tuýt mới ở Mỹ như Pin-đơn, Cúc, định chứng minh rằng: nhân khẩu trên toàn thế giới cần phải giảm bớt đi rất nhiều. Những kẻ theo chủ nghĩa Man-tuýt mới ở Mỹ đề nghị bắt đầu «giảm bớt» nhân khẩu tức là tiêu diệt nhân khẩu ở châu Á, châu Phi và ở cả châu Âu nữa.

Bọn theo chủ nghĩa Man-tuýt mới ở Anh như Rát-xơn, v.v... cũng một tuồng như bọn ở Mỹ, cho rằng nhân khẩu tăng lên «quá độ» là nguồn gốc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, nguồn gốc thất nghiệp và nghèo đói của quần chúng. Rát-xơn (trong quyển «Hy vọng mới của thế giới biến động») cho rằng nhân khẩu tăng lên ở Liên-xô, các nước dân chủ nhân dân và toàn bộ các nước châu Á là một «đe dọa», hắn tuyên truyền phát động một cuộc chiến tranh hủy diệt ở những nước ấy, đồng thời tuyên truyền dùng biện pháp bắt buộc để giảm bớt nhân khẩu, giảm bớt sinh đẻ.

Chủ nghĩa Man-tuýt mới hoàn toàn không có căn cứ khoa học. Lý luận cực kỳ hoang đường ấy kết hợp với chủ nghĩa chủng tộc, trở thành công cụ của giai cấp tư sản để đạt đến mục đích đế quốc chủ nghĩa, để bào chữa cho chiến tranh nguyên tử và chiến tranh vi trùng của bọn ăn cướp. Lý luận ấy chứng minh giai cấp tư sản đã phá sản triệt để về chính trị và đạo đức. Những kẻ theo chủ nghĩa Man-tuýt mới yêu cầu tiêu diệt nhân dân các thuộc địa và các nước khác, do đó mà tự bộc lộ bản chất đế quốc, ăn thịt người không tanh trong tư tưởng của chúng.

Dân số Liên-xô mỗi năm trung bình tăng hơn 3 triệu, nhưng ở nước xã hội chủ nghĩa, việc tăng dân số đó không làm nảy ra thất nghiệp, nghèo đói, chiến tranh và các thứ tai nạn khác mà chủ nghĩa tư bản vốn có. Đó là những lý lẽ đanh thép đập tan lý luận của chủ nghĩa Man-tuýt mới.

Nguồn gốc làm cho người lao động nghèo đói không phải vì nhân khẩu tăng thêm, mà vì chế độ tư bản. Thế mà giai cấp tư sản và các nhà tư tưởng của chúng vẫn cố sức trốn tránh trách nhiệm của chúng về thất nghiệp, về tình trạng đói khổ của quần chúng và về chiến tranh, đổ lỗi cho một «quy luật» tự nhiên không bao giờ có.

Biến tướng thứ ba của lý luận tự nhiên chủ nghĩa duy tâm tức là *phái địa lý học* trong khoa học xã hội, cũng hoang đường, giả dối, phản khoa học như thế.

Ở thời đại đế quốc chủ nghĩa, lý luận địa lý học về sự phát triển của xã hội được các nhà

chính trị, các nhà tư tưởng và nhà cầm quyền ở các nước tư bản xâm lược rất hoan nghênh. Khoa học giả hiệu ấy với danh nghĩa «địa lý chính trị học», đã từng được nước Đức Hít-le đề lên hàng học thuyết của quốc gia và đem dùng để phục vụ cho chính sách xâm lược của đế quốc phát xít. Các nhà địa lý chính trị học như bọn Ga-u-gô-phia định dùng thuyết đòi hỏi «không gian sinh tồn» cho giống người Đức «cao đẳng» để làm căn cứ «khoa học» cho âm mưu xâm lược của đế quốc, cho kế hoạch hoang đường làm «bá chủ thế giới» và cho chiến tranh do bọn Hít-le gây ra. Đế quốc Nhật cũng tuyên truyền theo lối đó để bào chữa cho chính sách xâm lược của chúng ở châu Á và khu vực Thái-bình-dương.

Hiện nay «địa lý chính trị học» lại được đế quốc Mỹ nối dõi. Các nhà tư tưởng của đế quốc Mỹ định dùng các lý do về chủng tộc và địa lý để «chứng minh bằng lý luận» cho dã tâm ngông cuồng của tập đoàn thống trị Mỹ hòng làm bá chủ thế giới.

Các nhà địa lý chính trị học Mỹ cùng với Bộ tổng tham mưu của Mỹ sửa chữa bản đồ thế giới trong kế hoạch của chúng. Chúng quả quyết rằng: Biên giới của Mỹ, quyền lợi sống còn của Mỹ là ở sông En-bơ, ở Thổ-nhĩ-kỳ, I-răng, Đài-loan, Pa-ki-stăng và Nhật-bản, tóm lại là ở bất cứ nơi nào mà bọn xâm lược Mỹ đã có hoặc đang ra sức thiết lập những căn cứ quân sự.

Trong xã hội học tư sản, còn có một phái duy tâm nữa phục vụ mục đích tìm căn cứ lý luận cho

chính sách của đế quốc, phái này cho rằng *kỹ thuật* và bạo lực của đế quốc dựa trên cơ sở sử dụng kỹ thuật là nhân tố chủ yếu quyết định sự phát triển của xã hội và chính trị. Có lúc người ta còn gọi phái ấy là «nguyên tử xã hội học». Cũng như chủ nghĩa chủng tộc, chủ nghĩa Man-tuýt mới và địa lý chính trị học, «nguyên tử xã hội học» cũng có những tín đồ của nó trong các nhà cầm quyền đế quốc Anh, Mỹ. Sùng bái kỹ thuật nói chung, nhất là kỹ thuật quân sự và bom nguyên tử, sùng bái võ lực xây dựng trên cơ sở kỹ thuật, coi nhẹ tác dụng quyết định của chế độ kinh tế và của quần chúng nhân dân trong lịch sử, đó là đặc trưng của thứ lý luận xã hội học tư sản phản động ấy.

Kỹ thuật có tác dụng lớn lao trong đời sống xã hội nhưng nó chỉ có tác dụng ấy khi kết hợp với người. Tách rời người, tách rời quần chúng lao động, thì kỹ thuật là vật chết. Mặc dù bom nguyên tử có sức phá hoại lớn như thế nào, nhưng một là nó không còn là vật độc quyền của Mỹ nữa, hai là nhân dân mạnh hơn tất cả các bom nguyên tử.

Những môn phái *duy tâm chủ quan* như phái tâm lý học, phái theo thuyết duy ý chí, v.v... phủ nhận bất cứ quy luật phát triển nào của xã hội, cho lịch sử xã hội chỉ là hoạt động của một vài nhân vật lỗi lạc, của bọn trùm tư bản, v.v... những phái này vẫn thịnh hành như trước, trong bọn xã hội học và sử học tư sản. Đó là thực chất tư tưởng xã hội học của chủ nghĩa thực nghiệm, chủ nghĩa thực dụng, thuyết ngữ nghĩa, thuyết cá tính và cả

một lô các môn phái triết học tư sản khác. Những môn phái xã hội học ấy cho rằng động lực chủ yếu làm cho xã hội phát triển là hoạt động của những nhân vật kiệt xuất, những kẻ thống trị, những thống soái, là «ý chí tự do» hoặc một số tư tưởng chính trị và nguyên tắc chính trị nào đó, là tâm lý của người ta, và thậm chí có nhiều học phái còn công nhiên kết hợp với chủ nghĩa ngu dân của tôn giáo và dùng ý chí của Chúa để giải thích những hiện tượng xã hội.

Chủ nghĩa chiết trung cực đoan và tính chất mâu thuẫn nội tại là những đặc trưng của xã hội học tư sản hiện đại. Mặc dù xã hội học tư sản có nhiều môn phái, nhưng tất cả những môn phái ấy đều có một đặc điểm chung, đó là *chủ nghĩa duy tâm* trong khi giải thích lịch sử xã hội, là phủ nhận quy luật phát triển chân thực và khách quan của xã hội; chúng cho rằng: ý thức, chính sách và ý chí của chính phủ, các nhà hoạt động chính trị là lực lượng quyết định chủ yếu trong lịch sử, trong đời sống xã hội. Mặc dù có rất nhiều phái xã hội học tư sản (như chủ nghĩa chủng tộc, địa lý chính trị học, chủ nghĩa Man-tuýt mới, lý luận ca tụng võ lực và kỹ thuật, coi võ lực và kỹ thuật là lực lượng chủ yếu trong sự phát triển của lịch sử v.v...) khoác áo chủ nghĩa tự nhiên để có vẻ là khoa học, nhưng chúng ta không nên quên rằng chúng đều là biến tướng của chủ nghĩa duy tâm. Chủ nghĩa duy tâm mà chủ nghĩa Mác đã đập tan đang mưu mô đội lốt mới, nhưng bản chất của nó vẫn không thay đổi; tất cả những biến tướng của

xã hội học tư sản đều khác với khoa học một trời một vực.

Hết sức phản động, chiết trung chủ nghĩa, vô nguyên tắc và ngu muội dốt nát, đó là những đặc trưng của các nhà xã hội học tư sản hiện đại và của toàn bộ xã hội học tư sản. Các nhà xã hội học tư sản cho rằng nhiệm vụ của chúng không phải là tìm ra quy luật và động lực phát triển chân chính của xã hội, mà là phủ nhận khả năng nhận thức được quy luật xã hội hoặc phủ nhận bản thân sự tồn tại của quy luật xã hội.

Nước Anh có một nhà sử học có tiếng là Tơ-ri-vi-li-an phàn nàn rằng: đời sống của con người không đủ để nhận thức được mọi sự thật thuộc về lịch sử xã hội và vì chúng ta không thể nghiên cứu được mọi sự thật, cho nên lịch sử, không thể coi là một môn khoa học được. Một nhà sử học « đáng tôn kính » khác của Anh là Tôi-rơ-bi cũng phát biểu luận điệu giống như thế. Điều đó chứng tỏ sự bất lực của các nhà sử học duy tâm, hoang mang trước muôn vàn sự thật lịch sử, sự sợ hãi của chúng, khiến chúng chùn bước trước nhiệm vụ nghiên cứu liên hệ nội tại của các sự kiện. Các nhà tư tưởng tư sản hiện đại thù ghét quy luật khách quan, vì nó báo trước giai cấp tư sản tất nhiên diệt vong.

Quyển « Duy vật sử quan » (1939) mà ta đã nhắc lại ở trên của Phi-đớc, một người Anh theo « thuyết bất khả tri » và chủ nghĩa Căng mới, và là kẻ thù của chủ nghĩa Mác, đầy rẫy sự sợ hãi ấy.

Hắn viết: «Nếu chúng ta có thể nắm vững được mọi sự thật hiện có, và hiểu biết được mọi liên hệ nhân quả của hiện tại và quá khứ, — điều đó cần có trí tuệ của thần thánh, — thì chúng ta có thể giải thích được mọi sự kiện trong quá khứ, và dự kiến được tương lai. Năng lực hiểu biết của chúng ta quá kém cỏi, trí tuệ của chúng ta chỉ hiểu được một số sự thật có hạn, thậm chí chúng ta không thể nào giải thích được quá khứ». Phi-đớc tuyên bố những khái niệm khoa học như «chủ nghĩa phong kiến», «chủ nghĩa tư bản», «chủ nghĩa xã hội», «cách mạng», «quy luật» v.v... đều là giả dối, là những lời nói suông, hắn quy kết nhiệm vụ xã hội học chỉ là kể lại sự thật trần truồng, do đó hắn đã sa vào chủ nghĩa chủ quan tầm thường nhất.

Số lớn nhà xã hội học Mỹ như: Đu-i, Rốt-xư, Bộ-ga-đúc, Bích-ke và tất cả những nhân vật đại biểu cho phái ngữ nghĩa học do Chây-zơ cầm đầu đều có quan điểm chủ quan ấy.

Xã hội học và sử học tư sản đã suy đồi đến nỗi có một số người truyền bá chủ nghĩa duy tâm chủ quan điên cuồng nhất (Cơ-rô-che, A-rôn, Côn-linh-vút, Bia-rơ-đơ, v.v...) không những phủ nhận tính khách quan của quy luật lịch sử, mà còn phủ nhận cả tính khách quan của bản thân quá trình lịch sử và sự thật lịch sử. Khi phủ nhận tính khách quan của lịch sử quá khứ, chúng đã nói liều rằng: quá trình lịch sử là do ý thức của nhà sử học sáng tạo ra, bất cứ sự thật lịch sử nào cũng đều là sản phẩm của «tư tưởng lịch sử».

Tính chất phản động và bệnh chủ quan của xã hội học tư sản hiện đại còn biểu hiện ở chỗ nó phủ nhận tính chất tiến bộ, tiến lên của quá trình lịch sử. Các nhà xã hội học và sử học tư sản phản động nói liều rằng, tiến bộ không phải là quy luật phát triển của xã hội. Điều đó đã bộc lộ tâm lý của giai cấp tư sản phản động là sợ chủ nghĩa tư bản tất nhiên bị một chế độ xã hội cao hơn tức là chủ nghĩa xã hội thay thế.

Xã hội học tư sản âm mưu che giấu nhân dân những ung nhọt và mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản. Các nhà xã hội học tư sản cho rằng nguồn gốc đẻ ra khủng hoảng và làm cho chủ nghĩa tư sản lung lay, không phải vì phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mà là vì kỹ thuật phát triển, chủ nghĩa Mác được truyền bá, nhân khẩu tăng lên và như lời của En-đơ-gien, một nhà xã hội học Mỹ nói, «ý nghĩa phổ biến của tài sản tinh thần» đã mất đi.

Có thể thấy rõ sự suy sụp và đồi bại của xã hội học tư sản ở tên nhiều tác phẩm của các nhà xã hội học tư sản. Dưới đây là tên của một số tác phẩm của các nhà xã hội học Mỹ xuất bản mấy năm gần đây: «Chúa cứu thế và vai trò của Chúa trong nền văn minh» của Uôn-lít-sư, «Giáo hội và sự tiến triển của xã hội» của Bao-ơn, «Ý trời và lịch sử» của Cát-xe-rơ-li, v.v...

Xã hội học tư sản là thứ khoa học phản động tột bực, nó đã bị sụp đổ hoàn toàn và bị phá sản triệt để. Đến cả những bọn chủ chốt của xã hội học tư sản cũng phải thừa nhận điểm ấy. Đu-i

mới chết cách đây chưa bao lâu đã viết trong quyển « Vấn đề con người » : « Chỉ cách đây năm mươi năm ngay những người nhìn xa thấy rộng nhất cũng không thể dự kiến được tiến trình của các sự biến ngày nay. Những người mang đầy hy vọng, có một thế giới quan rộng rãi, đã nhìn thấy rằng tiến trình thực tế của sự biến đã phát triển theo chiều ngược trở lại. »

Thật vậy, những nhà hoạt động của giai cấp tư sản không thể dự kiến được tiến trình của sự biến. Khi nói đến các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản. Lê-nin vĩ đại đã viết : « ... Khi anh đã bước lên con đường diệt vong, thì anh không thể nào dự đoán đúng được. » (1)

Ngay năm 1914, khi Lê-nin vạch mặt luận điệu chủ nghĩa thực chứng của Stơ-ru-vê, một kẻ chống lại chủ nghĩa Mác, Người đã vạch ra một cách tài tình những đặc điểm cơ bản về sự suy tàn của xã hội học tư sản : tuyệt vọng, bi quan đối với khả năng hiểu biết sự vật trước mắt một cách khoa học, vứt bỏ khoa học và mọi tổng kết, cố sức trốn tránh quy luật phát triển của lịch sử, vứt bỏ quy luật của khoa học và sử dụng quy luật của tôn giáo, thuyết lý rườm rà chết cứng của chủ nghĩa hoài nghi đang có mốt của giai cấp tư sản — tất cả những thứ đó nảy nở ra là do giai cấp tư sản run sợ trước sự diệt vong không thể tránh khỏi của

---

(1) Lê-nin : « Báo cáo về chính sách đối ngoại và đối nội của nước cộng hòa ở Hội nghị xô-viết toàn nước Nga lần thứ 9 ».

chủ nghĩa tư bản và do hy vọng chứng minh rằng chủ nghĩa xã hội không thể thực hiện được. (1)

Các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản gọi cuộc khủng hoảng đang tăng lên của toàn bộ hệ thống tư bản và sự phát triển không gì ngăn được của phong trào cộng sản là « chiều tàn của châu Âu », « chiều tàn của văn hóa ». Các nhà xã hội học tư sản hòng tả sự diệt vong của chế độ tư bản thối nát thành sự diệt vong của toàn bộ nền văn hóa, cho nên chúng viết về những « đêm tối đang đến », về « hy vọng bị tiêu tan ». Chúng không có năng lực để hiểu và giải thích những sự vật đang phát sinh, càng ngày chúng càng viện thời xưa ra để so sánh. Trước mắt chúng lúc nào cũng thấp thoáng hình ảnh mờ ảo và bóng ma của nước La-mã thời cổ đã chết từ lâu. Lát-sky, nhà lý luận của Công đảng Anh đã gẩy lại điệu đàn cũ của tên phản động Spin-gơ-le trong quyển « Tín ngưỡng, lý tính và văn minh » (1944). Hắn viết rằng thế giới ngày nay đã bị lay chuyển đến tận nền tảng : « Gần giống như thời đại đế quốc La-mã suy tàn, những cái gì có giá trị của chúng ta đang tan vỡ. Thành tích của khoa học, những tiến bộ về vật chất, tầm mắt mở rộng nhờ ở sự phát triển của tri thức, tất cả những thứ đó gộp lại, cũng không thể làm cho chúng ta giữ vững được lòng tin ở tương lai. »

Bọn tôi tớ của giai cấp tư sản như Lát-sky âm mưu kéo quần chúng lao động lại, không để họ

---

(1) Xem Lê-nin : « Tiêu diệt chủ nghĩa xã hội một lần nữa ».

dũng cách mạng giải quyết những nhiệm vụ lịch sử đã chín muồi. Mục đích của chúng cũng như mục đích của toàn bộ xã hội học tư sản là cứu vớt chủ nghĩa tư bản thoát khỏi diệt vong, làm cho quần chúng lao động lạc hướng, lôi kéo họ rời bỏ cuộc đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa tư bản thối nát.

Trái hẳn với xã hội học tư sản, duy vật lịch sử cho ta hiểu biết về quy luật phát triển của xã hội, chỉ cho nhân dân lao động con đường cách mạng đáng tin duy nhất để giải quyết những nhiệm vụ lịch sử đã chín muồi. Trong hết thảy mọi lý luận xã hội học, chỉ có duy vật lịch sử là đã chịu đựng được thử thách của thời gian, chịu đựng được thử thách của thực tiễn lịch sử toàn thế giới. Tiến trình lịch sử hơn một trăm năm qua từ khi chủ nghĩa Mác ra đời đến nay, đã hoàn toàn chứng thực tính chất chân lý của duy vật lịch sử. Việc áp dụng duy vật lịch sử để nghiên cứu những sự việc mới, những hiện tượng xã hội mới trong thời đại hiện nay và để chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân lao động đã thu được những thành tích rực rỡ.

Chủ nghĩa xã hội thắng lợi ở Liên-xô, tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thêm sâu sắc và thêm nguy kịch, xã hội học tư sản phá sản, phong trào giải phóng của quần chúng bị áp bức bóc lột phát triển, số đảng viên của các đảng mác-xít tăng lên, và ảnh hưởng của tư tưởng chủ nghĩa Mác trong quần chúng nhân dân thêm sâu rộng, chế độ dân chủ nhân dân thắng lợi ở nhiều nước châu Âu và châu Á, tất cả những việc ấy hoàn toàn

chứng thực những dự kiến thiên tài của những người sáng lập chủ nghĩa Mác — Lê nin. Những dự kiến ấy dựa vào các quy luật của duy vật lịch sử.

KẾT LUẬN VẮN TẮT

Duy vật lịch sử là khoa học về xã hội, về quy luật phát triển chung của xã hội, là lý luận và phương pháp đúng đắn duy nhất để nhận thức hiện tượng xã hội, là kim chỉ nam cho thực tiễn cách mạng. Việc Mác và Ăng-ghen sáng lập ra duy vật lịch sử là một biến đổi cách mạng trong quan điểm lịch sử đã làm cho việc nghiên cứu xã hội thành một môn khoa học. Quy luật phát triển của xã hội hoàn toàn có thể nhận thức được, có thể áp dụng để mưu hạnh phúc cho xã hội. Trái với chủ nghĩa duy tâm phủ nhận quy luật phát triển của xã hội, duy vật lịch sử vạch rõ những quy luật khách quan mà sự phát triển của xã hội phải tuân theo.

Nhờ có duy vật lịch sử làm cơ sở lịch sử - khoa học cho chủ nghĩa Mác, mà học thuyết xã hội chủ nghĩa đã từ không tưởng biến thành khoa học. Đảng cộng sản khi đặt cương lĩnh, chiến lược và sách lược, và trong toàn bộ hoạt động, đều dựa vào quy luật phát triển khách quan của xã hội.

Duy vật lịch sử là lý luận có tính chất sáng tạo, ngày càng phát triển trên cơ sở khái quát toàn bộ thực tiễn của xã hội. Lý luận và thực tiễn liên hệ chặt chẽ là nguồn gốc đem lại tính chất chân lý, đem lại sức mạnh không gì thắng nổi của duy vật lịch sử.

MỤC LỤC

DUY VẬT LỊCH SỬ LÀ MỘT MÔN KHOA HỌC

Trang

1. — ĐỐI TƯỢNG CỦA DUY VẬT LỊCH SỬ . . 5

2. — VIỆC SÁNG LẬP RA DUY VẬT LỊCH SỬ LÀ MỘT CUỘC CÁCH MẠNG VĨ ĐẠI NHẤT TRONG KHOA HỌC 9

3. — QUY LUẬT PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI VÀ TÍNH CHẤT KHÁCH QUAN CỦA QUY LUẬT ẤY 25

4. — QUY LUẬT LỊCH SỬ VÀ HOẠT ĐỘNG TỰ GIÁC CỦA CON NGƯỜI. TỰ DO VÀ TẤT NHIÊN 45

5. — ĐẢNG TÍNH VÀ TÍNH SÁNG TẠO CỦA DUY VẬT LỊCH SỬ 53

6. — SỰ PHÁ SẢN CỦA XÃ HỘI HỌC TƯ SẢN. 66

— KẾT LUẬN VẮN TẮT. 82

DUY VẬT LỊCH SỬ
LÀ MỘT MÔN KHOA HỌC

IN TẠI XƯỞNG IN TIẾN-BỘ
175, NGUYỄN-THÁI-HỌC — HÀ-NỘI
SỐ X. B.: 403 — SỐ IN 0969
XONG NGÀY 14-6-1957
NỘP LƯU CHIỂU THÁNG 6-1957

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

TOÀN BỘ CUỐN DUY VẬT LỊCH SỬ GỒM 12 CHƯƠNG

do Viện Nghiên cứu triết học trong Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô xuất bản năm 1954

của CÔNG-STĂNG-TI-NỐP

CHƯƠNG I.— Duy vật lịch sử là một môn khoa học

CHƯƠNG II.— Điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội.

CHƯƠNG III.— Sự phát triển của sức sản xuất và quan hệ sản xuất.

CHƯƠNG IV.— Cơ sở và thượng tầng kiến trúc của xã hội.

CHƯƠNG V.— Giai cấp và đấu tranh giai cấp

CHƯƠNG VI.— Nhà nước và pháp quyền.

CHƯƠNG VII.— Lý luận Mác — Lê-nin về cách mạng.

CHƯƠNG VIII.— Lý luận Mác — Lê-nin về dân tộc và phong trào giải phóng dân tộc.

CHƯƠNG IX.— Tác dụng của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử.

CHƯƠNG X.— Ý thức xã hội và các hình thái của ý thức xã hội.

CHƯƠNG XI.— Động lực phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa.

CHƯƠNG XII — Quy luật của bước quá độ từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản

HIỆU SÁCH NHÂN DÂN PHÁT HÀNH

Loại CT/B

Giá : ~~620~~ đ.